GIÁ TRỊ - VĂN HÓA - NIỀM TIN

HỒ SƠ NĂNG LỰC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3



Mã cổ phiếu CT3

Điện thoại : (028) 3835 1102 - (028) 3830 5075

www.ct3.com.vn

Địa chỉ: 136/1 Trần Phú,
P. Chợ Quán, Tp. Hồ Chí Minh

THÔNG ĐIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Kính gửi Quý Đối tác, Quý Khách hàng và Quý Chủ đầu tư,

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 (CT3) xin gửi lời chào trân trọng và chúc thành công tới Quý Đối tác, Quý Khách hàng và Quý Chủ Đầu tư.

Nhìn lại chặng đường đã qua, CT3 tự hào về bề dày lịch sử gần 50 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây lắp. Từ những ngày đầu sơ khai cho đến khi trở thành một thương hiệu uy tín, Công ty đã trực tiếp ghi dấu ấn tại hàng loạt các công trình trọng điểm Quốc gia. Đặc biệt, năng lực thực thi trong mảng xây lắp công trình đường sắt và đường bộ đã trở thành thế mạnh cốt lõi, khẳng định bản lĩnh và tâm huyết của CT3 trên mọi nẻo đường của Tổ quốc.

Thời gian qua, CT3 vẫn luôn duy trì trọng tâm hoạt động vào ngành xây dựng, sản xuất và kinh doanh vật tư, thiết bị thi công; đây là những lĩnh vực đã làm nên tên tuổi của Công ty. Bên cạnh đó, Chúng tôi đã và đang quyết liệt triển khai chiến lược đa dạng hóa hệ sinh thái kinh doanh, hướng đến mở rộng mạnh mẽ các lĩnh vực phụ trợ và giàu tiềm năng như thiết kế, kiểm định, kinh doanh bất động sản và đầu tư. Việc mở rộng này không chỉ nhằm tối ưu hóa chuỗi giá trị mà còn giúp Công ty thích ứng linh hoạt trước những thay đổi của thị trường.

Triết lý kinh doanh của chúng tôi luôn đặt chữ “Tín“ và chữ “Tâm“ lên hàng đầu. CT3 cam kết sẽ luôn là người đồng hành tin cậy, gắn bó mật thiết với các Khách hàng, Đối tác và Chủ Đầu tư trên nguyên tắc cùng có lợi, cùng tạo ra giá trị chung.

Xa hơn cả những con số tăng trưởng, chúng tôi hiểu rằng mỗi km đường, mỗi nhịp cầu mà Công ty xây dựng đều góp phần phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, mang lại giá trị thiết thực cho cộng đồng và xã hội. CT3 nguyện nỗ lực hết mình để đồng hành cùng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và sự phát triển thịnh vượng chung trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Với nền tảng vững chắc của 50 năm lịch sử cùng sự đồng lòng của tập thể, Chúng tôi tin tưởng rằng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 sẽ tiếp tục vươn xa, gặt hái thêm nhiều thành công mới và sẽ luôn đồng hành, kiến tạo những giá trị tốt đẹp cho Quý Khách hàng, Đối tác và các Chủ Đầu tư.

Trân trọng cảm ơn sự tin tưởng và đồng hành của Quý vị!

MỤC LỤC

01 GIỚI THIỆU CHUNG

02 HỒ SƠ PHÁP LÝ

03 CÔNG NGHỆ THI CÔNG, SẢN XUẤT VÀ MÁY MÓC, THIẾT BỊ

04 HỒ SƠ KINH NGHIỆM

01

GIỚI THIỆU CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị và bộ máy quản lý
- Các đơn vị trực thuộc
- Các thành tích tiêu biểu

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**
Giấy chứng nhận ĐKDN	0300421520, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 9 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 10 tháng 10 năm 2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp.
Vốn điều lệ	**87.998.490.000 đồng**
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	**87.998.490.000 đồng**
Địa chỉ	136/1 Trần Phú, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số điện thoại	(028) 3835 1102 – (028) 3830 5075
Website	www.ct3.com.vn
Mã cổ phiếu	**CT3**

Đơn vị thành viên của

TẬP ĐOÀN ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA VIỆT NAM

GIỚI THIỆU CHUNG

HOÀN CẢNH SÁNG LẬP

Công ty Công trình Đường sắt 3 được thành lập theo Quyết định số 1125 TC/QĐ ngày 10/08/1977 của Bộ Giao thông Vận tải. Năm 1991, Công ty được chuyển thành Công ty Nhà nước theo Nghị định số 388/HĐBT ngày 20/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng. Ngày 27/05/1993, Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 1024/QĐ-TCCB-LD về việc thành lập doanh nghiệp. Theo Quyết định số 4036/QD-BGVTT ngày 31/12/2003 của Bộ Giao thông Vận tải, Công ty Nhà nước Công trình Đường sắt 3 được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300421520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/09/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 19 vào ngày 10/10/2025.









QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1977

THÀNH LẬP

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 là đơn vị thành viên của Tập đoàn Đường sắt Quốc gia Việt Nam. Tiền thân là Công ty Công trình Đường sắt 3 được thành lập theo Quyết định số 1125 TC/QĐ ngày 10/08/1977 của Bộ Giao thông Vận tải và Quyết định thành lập Doanh nghiệp Nhà nước số 1024/QĐ-TCCB-LĐ ngày 27/05/1993 của Bộ Giao thông Vận tải.



2002 – 2004

CHUYỂN ĐỔI SỞ HỮU

Thực hiện chủ trương sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương, căn cứ Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19/06/2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần, Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Quyết định số 4035/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2003 về việc chuyển Công ty Công trình giao thông 3 thành công ty cổ phần.

Ngày 20/08/2004, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 chính thức đi vào hoạt động. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp là 13.496.000.000 đồng.



2009 – 2024

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU

Căn cứ Công văn số 1044/UBCK-QLPH ngày 04/06/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đăng ký, lưu ký cho các công ty đại chúng chưa niêm yết, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 đã thực hiện đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày 20/11/2009, Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch lần đầu với số lượng 2.181.209 cổ phiếu.

Trong quá trình phát triển, Công ty đã thực hiện các đợt đăng ký giao dịch bổ sung, bao gồm: 654.362 cổ phiếu vào ngày 30/08/2010; 1.064.429 cổ phiếu vào ngày 20/09/2010; 404.000 cổ phiếu vào ngày 01/04/2011; 1.075.998 cổ phiếu vào ngày 20/10/2011; 181.000 cổ phiếu vào ngày 21/10/2011; 555.998 cổ phiếu vào ngày 17/10/2014 và 1.883.080 cổ phiếu vào ngày 20/01/2016.

Hiện tại, tổng số lượng cổ phiếu của Công ty đang đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là 8.799.756 cổ phiếu, tương ứng với tổng giá trị mệnh giá là 87.997.560.000 đồng.



2025 – Nay

DẤU MỐC ĐỔI MỚI

Trong năm 2025, Công ty đã ghi nhận nhiều cột mốc quan trọng về pháp lý, quản trị và đầu tư.

Về mặt pháp lý, công ty đã hoàn tất đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 19 vào ngày 10/10/2025. Về mặt đầu tư, năm 2025-2026 Công ty đã tiến hành tái cấu trúc toàn diện, bổ nhiệm mới nhiều lãnh đạo cấp cao và ban hành sơ đồ tổ chức hoạt động mới. Đồng thời chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty mẹ - Công ty con và đẩy mạnh hoạt động trong lĩnh vực đầu tư.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2026

Số:

587868/26

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH: Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ trụ sở: *90G đường Trần Quốc Toản, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*
Điện thoại: 028.38.293.179 Số Fax:
Thư điện tử: Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Mã số doanh nghiệp: 0300421520

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan -chi tiết: Xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, đường dây dưới 35KV. Thí nghiệm và kiểm nghiệm vật liệu xây dựng. Khảo sát, lập dự án đầu tư, giám sát thi công công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp không do công ty thi công. Thiết kế: Tổng mặt bằng xây dựng công trình, kiến trúc công trinhdân dụng và công nghiệp, nội ngoại thất công trình, công trình giao thông (cầu, đường bộ). Tư vấn thiết kế. Thiết kế xây dựng công trình giao thông đường sắt). Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, đô thị. Kiểm định chất lượng công trình xây dựng.	7110(Chính)
2	Chuẩn bị mặt bằng -chi tiết: Đào, đắp, san lấp mặt bằng tạo bãi.	4312
3	Sản xuất các cấu kiện kim loại -chi tiết: Sản xuất cấu kiện thép và sản phẩm cơ khí (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, cắt, gò, hàn, sơn tại trụ sở).	2511

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

STT	Tên ngành	Mã ngành
4	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê -chi tiết: Kinh doanh nhà ở. Kinh doanh bất động sản.	6810
5	Vận tải hành khách đường bộ khác -chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng bằng ôtô.	4932
6	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động -chi tiết: Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở).	5610
7	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
8	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét -chi tiết: Đào mới, nạo vét kênh rạch, cửa sông, bến cảng	0810
9	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
10	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy -chi tiết: Đảm bảo an toàn giao thông đường thủy	5222
11	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
12	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: sản xuất gối cầu, sản xuất ghi, gia công phụ kiện đường sắt (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b và polyol trộn sẵn HCFC-141b)	3290
13	Sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
14	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
15	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	3312
16	Sản xuất sắt, thép, gang chi tiết: sản xuất gang, thép, sắt (không hoạt động tại trụ sở)	2410
17	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện	3314
18	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác	3319
19	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao (Không hoạt động tại trụ sở)	2395
20	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
21	Xây dựng nhà để ở	4101
22	Xây dựng nhà không để ở	4102
23	Xây dựng công trình đường sắt	4211
24	Xây dựng công trình đường bộ	4212
25	Xây dựng công trình công ích khác	4229
26	Phá dỡ	4311
27	Lắp đặt hệ thống điện	4321
28	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
29	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
30	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
31	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

STT	Tên ngành	Mã ngành
32	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4673
33	Vận tải hành khách đường sắt	4911
34	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
35	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
36	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
37	Bốc xếp hàng hóa	5224
38	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
39	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
40	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng	6829
41	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
42	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
43	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
44	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4672
45	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4679
46	Bán buôn tổng hợp	4690
47	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4752
48	Cung ứng lao động tạm thời	7821
49	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn	4753
50	Cung ứng nguồn nhân lực khác	7822
51	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu	4759
52	Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản	6821
53	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
54	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
55	Cho thuê xe có động cơ	7710
56	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
57	Dịch vụ vệ sinh khác	8129
58	Dịch vụ cảnh quan	8130
59	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao (Không hoạt động tại trụ sở)	2394
60	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
61	Bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác	4781
62	Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4782
63	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ đấu giá)	4610
64	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
65	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác	7020
66	Hoạt động dịch vụ trung gian cho xây dựng chuyên dụng	4340

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

STT	Tên ngành	Mã ngành
67	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
68	Xây dựng công trình thủy	4291
69	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
70	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
71	Xây dựng công trình điện	4221
72	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (Không hoạt động tại trụ sở)	2392
73	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
74	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
75	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Nơi nhận:
-CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3. Địa chỉ:136/1 Trần Phú, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

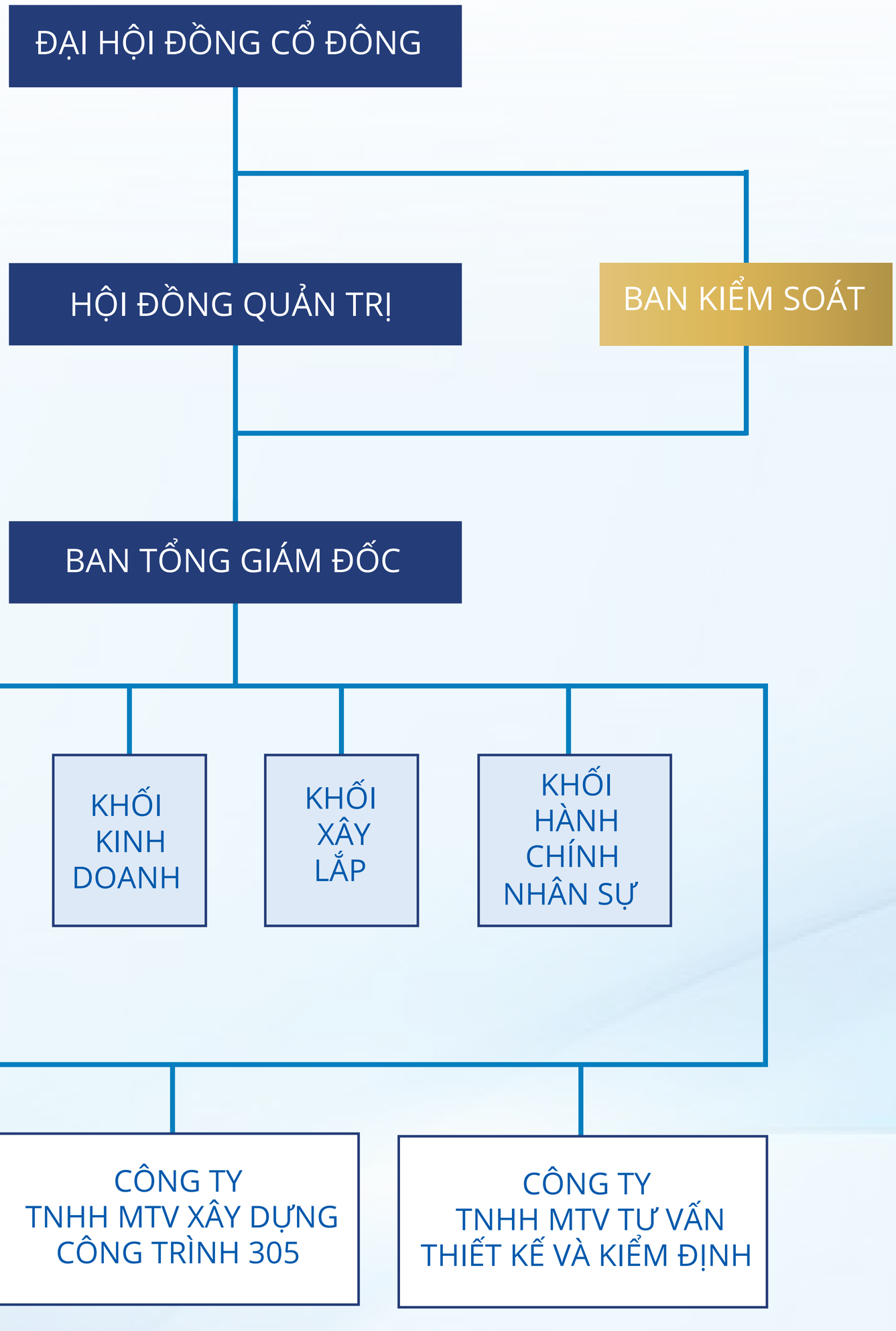
";
- Lưu: Lê Ánh Phương.....

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Võ Cẩm Tú

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 được tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các khối chức năng.



CÁC CÔNG TY CON

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG

Công ty TNHH MTV Cơ Khí và Xây Dựng là công ty TNHH được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3400858341 ngày 02 tháng 04 năm 2010, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 ngày 22 tháng 06 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) tỉnh Bình Thuận cấp.

Địa chỉ: Lô C7-I, đường D1, KCN Hàm Kiệm I, tỉnh Lâm Đồng.

Lĩnh vực kinh doanh chính: Gia công cơ khí và thi công xây dựng.

Vốn điều lệ đăng ký: 15.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty con: 100%.

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 305

Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình 305 là công ty TNHH được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0319435848 ngày 10 tháng 03 năm 2026, do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
Lĩnh vực kinh doanh chính: Thi công xây dựng.

Địa chỉ: 136/1 Trần Phú, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ đăng ký: 10.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty con: 100%.

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ KIỂM ĐỊNH

Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế và Kiểm định là công ty TNHH được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0319433287 ngày 09 tháng 03 năm 2026, do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
Lĩnh vực kinh doanh chính: Thiết kế, thí nghiệm, kiểm định, tư vấn giám sát và thi công xây dựng.

Địa chỉ: 136/1 Trần Phú, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ đăng ký: 10.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty con: 100%.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Trụ sở chính và các đơn vị trực thuộc tại TP. Hồ Chí Minh:

- Trụ sở chính: Số 136/1 Trần Phú, Phường Chợ Quán, TP. Hồ Chí Minh.
- Nằm cùng địa chỉ với trụ sở chính là cụm các đơn vị trực thuộc cốt lõi, bao gồm: Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế và Kiểm định, Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình 305.



Mạng lưới chi nhánh và nhà máy ở các tỉnh thành: Bên cạnh trụ sở chính, Công ty còn mở rộng địa bàn kinh doanh với các cơ sở sản xuất và chi nhánh ở nhiều địa phương khác:

- Tại Đồng Nai: Xí nghiệp Cơ khí và Xây dựng Đường sắt (Chi nhánh công ty) đặt tại Khu Công nghiệp Quốc phòng Long Bình, Phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.
- Tại Lâm Đồng: Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng nằm tại Lô C7-I đường D1, Khu công nghiệp Hàm Kiệm I, tỉnh Lâm Đồng.
- Tại Quảng Ngãi: Chi nhánh Công ty tại Miền Trung đặt ở số 315 khối 1, thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa bàn triển khai các dự án: Hoạt động thi công xây dựng và cung cấp cấu kiện của Công ty vươn rộng khắp ba miền đất nước thông qua các dự án cầu đường bộ, dân dụng và đường sắt.

- Khu vực Miền Nam và Đồng bằng sông Cửu Long: Thi công nhiều công trình trọng điểm tại TP. Hồ Chí Minh (Cầu Tăng Long, Vành Đai 3, Cầu Mỹ Thủy, nút giao Nguyễn Thái Sơn - Nguyễn Kiệm, Depot tuyến Metro số 1, Cầu Bình Lợi), Đồng Nai (Cầu Ghềnh), Long An, Đồng Tháp, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long và An Giang.
- Khu vực Miền Trung và Tây Nguyên: Thực hiện các gói thầu giao thông, cải tạo đường sắt tại Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Lắk và Đắk Nông.
- Khu vực Miền Bắc: Thi công dự án hầm chui tại nút giao Giải Phóng (Quận Hoàng Mai, Hà Nội) và cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu trên tuyến đường sắt đoạn Hà Nội – Vinh.

CÁC THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU

CÁC BẰNG KHEN CẤP CHÍNH PHỦ VÀ BỘ NGÀNH

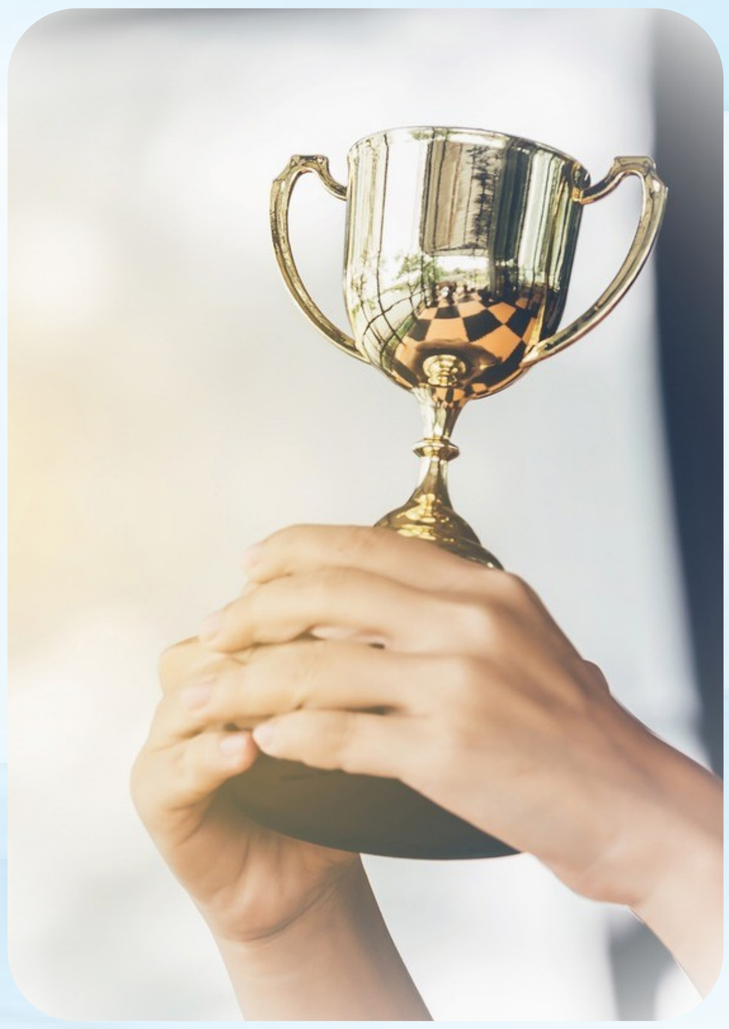
- Được Chính phủ tặng Bằng khen với thành tích "Công ty có thành tích trong sản xuất kinh doanh góp phần vào sự nghiệp xây dựng XHCN và bảo vệ Tổ quốc".
- Được Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải tặng Bằng khen "Đã có thành tích xuất sắc trong công tác bảo hộ lao động năm 2002-2003".

CÁC DANH HIỆU THI ĐUA TỪ TẬP ĐOÀN ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA VIỆT NAM

- Được tặng Cờ thi đua "Đơn vị dẫn đầu thi đua" trong nhiều năm liền: 2002, 2008, 2010, 2012, 2013 và 2015.
- Nhiều lần đạt danh hiệu "Đơn vị tiên tiến" ngành đường sắt vào các năm: 2003, 2016, 2017, 2018 và 2021.
- Được trao danh hiệu "Đơn vị phát triển khoa học công nghệ khá nhất" năm 2002.
- Được ghi nhận "Có thành tích trong phong trào lao động sáng tạo và đổi mới phát triển công nghệ ngành Đường sắt năm 1995-2003".
- Nhận danh hiệu "Đơn vị văn hóa" vào năm 2003.

CÁC DANH HIỆU VÀ KỶ NIỆM CHƯƠNG TỪ ĐỊA PHƯƠNG

- Tháng 3/2016, Công ty được Chủ tịch UBND Quận 5 công nhận danh hiệu "Doanh nghiệp đạt chuẩn Văn hoá" trong phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống Văn hoá giai đoạn 2013 – 2015.
- Được Ban chỉ đạo phong trào Phường 4, Quận 5 tặng Kỷ niệm chương "Đơn vị Văn hoá 3 năm liên tục".



02

HỒ SƠ PHÁP LÝ

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
- Các chứng chỉ, chứng nhận khác

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0300421520

Đăng ký lần đầu: ngày 23 tháng 09 năm 2004

Đăng ký thay đổi lần thứ: 19, ngày 10 tháng 10 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PROJECT 3 CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CT3

2. Địa chỉ trụ sở chính

136/1 Trần Phú, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: *08 - 8323036* Số Fax: *08 - 8351102*

Thư điện tử: *ctcongtrinh3@gmail.com* Website: *www.ct3.com.vn*

3. Vốn điều lệ: 87.998.490.000 đồng.

Bằng chữ: Tám mươi bảy tỷ chín trăm chín mươi tám triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng

Tám mươi bảy tỷ, chín trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 8.799.849

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: VƯƠNG TẤN HẢI Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *06/03/1982* *Quốc tịch: Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *079082000857*

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Địa chỉ liên lạc: *số 4/7 Khu phố 10, Phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Võ Cẩm Tú

CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

BỘ XÂY DỰNG
CỤC CÔNG TÁC PHÍA NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: BXD-00001069

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 314/QĐ-CPN-DN ngày 04/7/2022)

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập số: 0300421520
Ngày cấp: 23/09/2004. Thay đổi lần thứ 13, ngày 16/06/2017.
Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.
Tên người đại diện theo pháp luật:
Ông/Bà: Phạm Văn Thúy — Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Địa chỉ trụ sở chính: 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
Số điện thoại: 028 - 8323036 — Số fax: 028 - 8351102
E-mail: ctcongtrinh3@gmail.com — Website: www.ct3.com.vn
Phạm vi hoạt động xây dựng:
- Thi công xây dựng công trình:
  + Giao thông (cầu đường bộ, đường sắt, cầu đường sắt): Hạng I

Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày: 04/7/2032.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 7 năm 2022

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC CÔNG TÁC PHÍA NAM

Ngô Hoàng Nguyên

CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

BỘ XÂY DỰNG
CỤC CÔNG TÁC PHÍA NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: BXD-00001069

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 160/QĐ-CPN-DN ngày 06/4/2022)

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập số: 0300421520
Ngày cấp: 23/9/2004. Thay đổi lần thứ 13, ngày 16/6/2017.
Nơi cấp: Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.
Tên người đại diện theo pháp luật:
Ông (Bà): Phạm Văn Thúy — Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Địa chỉ trụ sở chính: 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
Số điện thoại: 08 - 8323036 — Số fax: 08 - 8351102
E-mail: ctcongtrinh3@gmail.com — Website: www.ct3.com.vn
Phạm vi hoạt động xây dựng:
- Thi công xây dựng công trình:
  + Dân dụng; Công nghiệp nhẹ: Hạng I
  + Giao thông (đường bộ); Hạ tầng kỹ thuật: Hạng I

Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày: 06/4/2032.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2022
KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC CÔNG TÁC PHÍA NAM
BỘ XÂY DỰNG

Ngô Hoàng Nguyên

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 02 /GCN-BGTVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2021

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ văn bản số 980/BXD-KHCN ngày 04/5/2017 của Bộ Xây dựng về việc thỏa thuận đánh giá, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng cho các đơn vị thuộc Bộ GTVT quản lý;

Căn cứ Quyết định số 1366/QĐ-BGTVT ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc giao nhiệm vụ tổ chức kiểm tra, đánh giá cấp mới, cấp lại, bổ sung, sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ và ký Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thuộc các đơn vị do Bộ GTVT quản lý;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng giao thông của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công trình 3 và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng giao thông ngày 02 tháng 3 năm 2021,

CÔNG NHẬN:

1. Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công trình 3.

Địa chỉ: 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

Mã số thuế: 0300421520

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 270.**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 5 năm kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận số 13/GCN-BGTVT ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải./.

Nơi nhận :
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Ngọc Đông (để b/c);
- Bộ Xây dựng (Vụ KHCN-MT);
- Sở Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh;
- Công ty CP ĐT & XD công trình 3;
- Lưu VT, KHCN.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KHCN

Lê Văn Dương

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS - XD 270
(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 02 /GCN-BGTVT ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giao thông vận tải)

Số TT	Tên các phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử (*)
I	**Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của đất**	
1	Khối lượng riêng	TCVN 4195:2012; AASHTO T100; ASTM D854
2	Độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; AASHTO T265; ASTM D2216
3	Giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; AASHTO T89
4	Giới hạn dẻo	TCVN 4197:2012; AASHTO T90; ASTM D4318
5	Thành phần hạt	TCVN 4198:1995; AASHTO T88; AASHTO T27; ASTM C136
6	Sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995; ASTM D3080; AASHTO T236
7	Tính nén lún (không nở hông)	TCVN 4200:2012; ASTM D4546 ; AASHTO T216
8	Thí nghiệm đầm nén	22 TCN 333-06; TCVN 4201:2012; AASHTO T180; AASHTO T99; ASTM D698-00a; ASTM D1557
9	Khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012; ASTM D2937
10	Sức chịu tải CBR	22TCN 332–06; TCVN 8821:2011; AASHTO T193; ASTM D1883
II	**Phép thử chỉ tiêu cơ lý của đất gia cố chất kết dính**	
1	Độ chặt đầm nén	22 TCN 346-2006, TCVN 12790:2020
2	Độ bền khi nén	ASTM D1633; 22 TCN 59-84
3	Mô đun biến dạng	TCVN 9843:2013
4	Độ ổn định với nước sau 5 chu kỳ bão hòa - sấy	22 TCN 59-84
III	**Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của cốt liệu cho bê tông xi măng và vữa**	
1	Thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006; AASHTO T27; ASTM C136 ; EN 993-1
2	Xác định khối lượng riêng, độ hút nước của hạt cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-4:2006; AASHTO T84; ASTM C128
3	Xác định khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; AASHTO T85; ASTM C127 ; ASTM C128 ; EN 1097-6,7
4	Xác định khối lượng thể tích xốp	TCVN 7572-6:2006; AASHTO T19; ASTM C29
5	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; AASHTO T265
6	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; AASHTO T112; ASTM C142
7	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; AASHTO T21; AASHTO T267; ASTM C40

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Số TT	Tên các phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử (*)
8	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM D2938
9	Xác định cường độ nén dập của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006; BS 812-112
10	Xác định độ hao mòn Los Angeles	TCVN 7572-12:2006; AASHTO T96; ASTM C131 ; ASTM C535
11	Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; ASTM D4791
12	Hàm lượng sufat và sunfit	TCVN 7572-16:2006; BS 812-118
13	Xác định hàm lượng mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006;
14	Xác định hàm lượng mi ca trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006
IV	**Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của nhựa đường**	
1	Độ kim lún	TCVN 7495:2005; AASHTO T49; ASTM D5 ; BS EN 1426
2	Độ kéo dài	TCVN 7496:2005; AASHTO T51; ASTM D113
3	Nhiệt độ hóa mềm	TCVN 7497:2005; AASHTO T53; ASTM D36 ; BS EN 1427
4	Nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005 ; AASHTO T48; ASTM D92
5	Khối lượng riêng	TCVN 7501:2005; AASHTO T228; ASTM D70
6	Độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005; AASHTO T195; ASTM D2489 ; ASTM D3625
7	Hàm lượng hòa tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2005; AASHTO T44; ASTM D2042
8	Tỷ lệ độ kim lún còn lại so với độ kim lún ban đầu ở 25°C.	TCVN 7495:2005
9	Lượng tổn thất sau khi đun ở 163°C trong 5 giờ.	TCVN 7499:2005; AASHTO T47; ASTM D6
10	Chỉ số độ kim lún PI	Phụ lục II, Thông tư 27/2014/TT-BGTVT ngày 28/7/2014 của Bộ GTVT
V	**Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của bê tông nhựa**	
1	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011; AASHTO T245; ASTM D1559 ; ASTM D6927; BS EN 12697-34
2	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011; AASHTO T164; ASTM D2172 ; BS EN 12697-1
3	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011; AASHTO T27; ASTM C136 ; BS EN 933-1
4	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011; AASHTO T209; ASTM D2041; BS EN 12697-5
5	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011; AASHTO T166 ; AASHTO T275; BS EN 12697-6
6	Xác định độ cháy nhựa	TCVN 8860-6:2011; AASHTO T305; TCVN 12759-2:2020; TCVN 13048:2020
7	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011; AASHTO T304

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

8	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011; AASHTO T230;
9	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011; AASHTO T269; ASTM D3203;
10	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011; ASTM D3203; BS EN 12697-6
11	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011; ASTM D3203; BS EN 12697-6
12	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011; AASHTO T165; ASTM D6927
VI	**Phép thử chỉ tiêu cơ lý của bột khoáng dùng cho hỗn hợp đá trộn nhựa**	
1	Khối lượng riêng	TCVN 12884-1:2020; TCVN 8735:2012; 22 TCN 58-84
2	Thành phần hạt	TCVN 12884-2:2020; 22 TCN 58-84 TCVN 7572-2: 2006 AASHTO T11; ASTM C136
3	Độ ẩm	TCVN 12884-2:2020; 22 TCN 58-84 TCVN 7572-7: 2006
4	Chỉ số dẻo	TCVN 12884-1:2020; TCVN 4197:2012
5	Hệ số thích nước (háo nước)	TCVN 12884-2:2020; 22 TCN 58-84
6	Hình dáng bên ngoài	22 TCN 58-84
7	Lượng mất khi nung	22 TCN 58-84
8	Hàm lượng chất hòa tan trong nước	22 TCN 58-84
9	Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường	22 TCN 58-84
10	Khả năng hút nhựa của bột khoáng	NFP 98-256; 22 TCN 249-98
11	Khả năng làm cứng nhựa của bột khoáng	22 TCN 63-84 ; 22 TCN 249-98
12	Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng dưới áp lực 400kG/cm^2	22 TCN 58:84
VII	**Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của xi măng**	
1	Khối lượng riêng, Độ mịn	TCVN 4030:2003; AASHTO T128; ASTM C184; AASHTO T133;
2	Độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:1995 AASHTO T129; ASTM C187; AASHTO T131; ASTM C191
3	Độ bền uốn và độ bền nén	TCVN 6016:2011; AASHTO T106; ASTM C109
VIII	**Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của bê tông xi măng**	
1	Độ sụt	TCVN 3106:1993; AASHTO T119; ASTM C143;
2	Khối lượng riêng	TCVN 3112:1993; ASTM C642;
3	Khối lượng thể tích	TCVN 3115:1993; AASHTO T121; ASTM C138;
4	Cường độ chịu nén	TCVN 3118:1993; AASHTO T22; ASTM C39;
5	Cường độ kéo khi uốn	TCVN 3119:1993; AASHTO T97; ASTM C78;

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Số TT	Tên các phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử (*)
6	Cường độ kéo khi bửa	TCVN 3120:1993; AASHTO T198; ASTM C496;
7	Độ hút nước	TCVN 3113:1993; ASTM C642;
IX	**Phép thử chỉ tiêu cơ lý của gạch xi măng lát nền**	
1	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6065:1995
2	Độ mài mòn	TCVN 6065:1995
3	Độ hút nước	TCVN 6065:1995; TCVN 248:1986; ASTM C67; AASHTO T32
4	Độ chịu lực xung kích	TCVN 6065:1995
5	Tải trọng uốn gãy toàn viên	TCVN 6065:1995; ISO 10545
6	Độ cứng lớp mặt	TCVN 6065:1995; EN 101
X	**Phép thử chỉ tiêu cơ lý của gạch xây**	
1	Cường độ nén	TCVN 6355–1:2009; AASHTO T32
2	Cường độ uốn	TCVN 6355–2:2009; AASHTO T32
3	Độ hút nước	TCVN 6355–3:2009
4	Khối lượng riêng	TCVN 6355–4:2009
5	Khối lượng thể tích	TCVN 6355–5:2009
6	Độ rỗng	TCVN 6355–6:2009
7	Xác định vết tróc do vôi của gạch xây	TCVN 6355–7:2009
8	Xác định sự thoát muối của gạch xây	TCVN 6355–8:2009
XI	**Phép thử chỉ tiêu cơ lý cuả kim loại và mối hàn**	
1	Phương pháp thử kéo	TCVN 197-1:2014; ISO 6892-1:2009; TCVN 7937-1:2013; ASTM A370; ISO 15630-1:2010; JIS Z 2241
2	Phương pháp thử uốn	TCVN 198:2008; ASTM A370; JIS Z 2248;
3	Mối hàn – phương pháp thử kéo dọc	TCVN 8311:2010; TCVN 5403:1991
4	Mối hàn – phương pháp thử uốn	TCVN 5401:2010; ASTM E190
5	Mối hàn – Phương pháp thử kéo ngang	TCVN 8310:2010; ISO 4136 : 2001
XII	**Phép thử cơ lý của thép cáp cường độ cao**	
1	Phương pháp kiểm tra cơ lý tao cáp cho bê tông ứng suất trước	TCVN 7937-3:2013; ASTM A370
2	Phương pháp thí nghiệm cho Mô đun Young, mô đun tiếp tuyến và Mô đun điều hợp	TCVN 7937-3:2013; ASTM E111
XIII	**Phương pháp thử nghiệm không phá hủy kim loại**	
1	Kiểm tra không phá hủy - Phương pháp thẩm thấu	TCVN 4617:1988; ASTM E 165 ASME BPV Code, Section V, Section VIII; AWS D1.1/D1.1M
2	Kiểm tra không phá hủy - Phương pháp bột từ	TCVN 4396:1986; ASTM E 709 ASME BPV Code Section V, Section VIII; AWS D1.1/D1.1M
3	Kiểm tra mối hàn kim loại bằng siêu âm - Các phương pháp kiểm tra bằng tay các mối hàn nóng chảy trong thép FERIT	TCVN 6735:2000; BS 3923-1 : 1986; ASTM E 164 ASME BPV Code Section V, Section VIII; AWS D1.1/D1.1M

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Số TT	Tên các phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử (*)
4	Kiểm tra mối hàn của thiết bị áp lực trong phương pháp siêu âm	TCVN 6008:1995
5	Kiểm tra mối hàn ống thép bằng phương pháp siêu âm	TCVN 165:1988
XIV	**Kiểm tra lớp phủ kim loại**	
1	Kiểm tra chiều dày lớp phủ kim loại	TCVN 4392:1986; TCVN 5878:2007; ISO 2178:1982; ASTM A376
2	Kiểm tra độ bền bám dính lớp phủ kim loại	TCVN 4392:1986; TCVN 5408:2007; ISO 1461 : 1999; ASTM A153
3	Kiểm tra chiều dày màng sơn khô	TCVN 9406:2012
XV	**Thí nghiệm hiện trường**	
1	Xác định mô đuyn đàn hồi bằng cần Benkenman	TCVN 8867:2011; ASTM D4729; AASHTO T256
2	Xác định mô đuyn đàn hồi bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011; AASHTO T221; ASTM D1195
3	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
4	Xác định khối lượng thể tích bằng phương pháp rót cát	22 TCN 346-2006; ASTM 1556 ; AASHTO T191
5	Xác định khối lượng thể tích bằng phương pháp dao đai	22 TCN 02-1971; TCVN12791:2020 ; ASTM D2937; AASHTO T204
6	Độ ẩm của vật liệu trong lớp kết cấu	22 TCN 02-71
7	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM D965
8	Kiểm tra chất lượng bê tông thân cọc khoan nhồi bằng phương pháp siêu âm	ASTM D6760-02; TCVN 9395:2012
9	Thí nghiệm ứng suất nhỏ của cọc (PIT)	ASTM D5882-00; TCVN 9397:2012
10	Đo nhiệt độ ray, nhiệt độ môi trường	TCCS 03:2014/VNRA (phụ lục A1)
XVI	**Phép thử phân tích thành phần kim loại**	
1	Phân tích thành phần hoá học của thép cacbon và thép hợp kim thấp bằng phương pháp quang phổ phát xạ nguyên tử	TCVN 8998:2018 ; ASTM E 415–17; JIS G 0320-09
2	Phân tích thành phần hoá học của thép không ri bằng phương pháp quang phổ phát xạ nguyên tử	ASTM E 1086-14
3	Phân tích thành phần hoá học của thép Mangan cao bằng phương pháp quang phổ phát xạ nguyên tử	ASTM E 2209-13
4	Phân tích thành phần hoá học của Gang bằng phương pháp quang phổ phát xạ nguyên tử	ASTM E 1999-18
XVII	**Phép thử độ cứng kim loại**	
1	Thử độ cứng Brinell	TCVN 256-1:2006; (ISO 6506-1:2005); ASTM E 10 – 18; JIS Z 2243:2008
2	Thử độ cứng Rockwell	TCVN 257-1 : 2007; (ISO 6508-1:2005); ASTM E 18 – 20; JIS Z 2245:2011
3	Thử độ cứng Vickers	TCVN 258-1:2007; (ISO 6507-1:2005); ASTM E 384–17; JIS Z 2244:2009
4	Thử độ cứng Leeb	ASTM A 956–17

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Số TT	Tên các phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử (*)
XVIII	**Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của bu lông**	
1	Thử kéo bu lông – đai ốc	TCVN 1916–1995; TCVN 197-1:2014; JIS B 1186-1995; JSS II-09:1996
2	Thử kéo vật liệu bu lông	TCVN 1916–1995; TCVN 197-1:2014; JIS B 1186-1995; JSS II-09:1996
3	Thử nghiệm hệ số mô men xiết	JIS B 1186:1995
XIX	**Phép thử tà vẹt bê tông**	
1	Thử nghiệm uốn tĩnh	TCCS 02:2010/VNRA EN 13230-2; EN 13230-3; EN 13230-4
2	Thử nghiệm nhổ lõi nhựa xoắn (vai chèn)	TCCS 02:2010/VNRA EN 13481-2 (Annex A); AS 1085.14:2003 (Annex G)
3	Thử nghiệm xoắn lõi	AS 1085.14:2003 (Annex H)

Ghi chú (*): Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng./.

CÁC CHỨNG CHỈ, CHỨNG NHẬN KHÁC

TÜV NORD
Vietnam

CHỨNG NHẬN

Hệ thống quản lý theo
ISO 9001 : 2015

Tổ chức chứng nhận TUV NORD Việt Nam căn cứ theo kết quả đánh giá, thẩm định và quyết định chứng nhận đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn ISO/IEC 17021-1:2015, xác nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

**136/1 Trần Phú, Phường 04, Quận 5,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

với các địa điểm theo phụ lục kèm theo

vận hành hệ thống quản lý phù hợp với các yêu cầu tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và sẽ được đánh giá xác nhận tính phù hợp trong thời hạn hiệu lực 3 năm của Giấy chứng nhận.

Phạm vi chứng nhận

Sửa chữa và xây dựng cầu, đường, đường sắt
Sản xuất và lắp đặt công trình thép, tà vẹt bê tông dự ứng lực

Số chứng chỉ TNV168150106
Số báo cáo No. 2.5-VN80040/2021

Hiệu lực từ 2021-07-14
Hiệu lực đến 2024-07-13
Chứng nhận lần đầu 2009-07-14

Lê Sỹ Trung - Tổng Giám đốc
TUV NORD Việt Nam

TUV NORD Việt Nam
Tầng 12, tòa nhà T.I.D, số 4 Liễu Giai,
Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam
2021-10-19

Công ty TUV NORD Việt Nam, thành viên của tập đoàn TÜV NORD (CHLB Đức).

HCM VN80040 C19RC 0172 028Gr Không áp dụng DK 8.3

CÁC CHỨNG CHỈ, CHỨNG NHẬN KHÁC

TÜV NORD
Vietnam

CERTIFICATE

Management system as per
ISO 9001 : 2015

The Certification Body TUV NORD Vietnam hereby confirms as a result of the audit, assessment and certification decision according to ISO/IEC 17021-1:2015, that the organization

PROJECT 3 CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
136/1 Tran Phu Street, Ward 4, District 5, Ho Chi Minh City, Vietnam
with the locations according to the annex

operates a management system in accordance with the requirements of ISO 9001:2015 and will be assessed for conformity within the 3 year term of validity of the certificate.

Scope

Repair, construction of bridges, roads, railways
Manufacturing and installation of steel structure, prestressed concrete sleepers

Certificate Registration No. TNV168150106
Audit Report No. 2.5-VN80040/2021

Valid from 2021-07-14
Valid until 2024-07-13
Initial Certification 2009-07-14

Le Sy Trung - General Manager
TUV NORD Vietnam Ltd.

TUV NORD Vietnam Ltd.,
Floor 12th, T.I.D Building, No. 4 Lieu Giai,
Ba Dinh District, Hanoi, Vietnam
2021-10-19

TUV NORD Vietnam Ltd., a member of TÜV NORD Group.

HCM VN80040 C19RC 0172 0280/ Non-applicability of chapters: 8.3

CÁC CHỨNG CHỈ, CHỨNG NHẬN KHÁC

TÜV NORD Vietnam

P H Ụ L Ụ C

Kèm theo chứng chỉ số TNV168150106

ISO 9001 : 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

136/1 Trần Phú, Phường 04, Quận 5,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số chứng chỉ	Địa điểm	Phạm vi
TNV168210280-001	**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3** 136/1 Trần Phú, Phường 04, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sửa chữa và xây dựng cầu, đường, đường sắt Quản trị và điều hành các dự án sản xuất và lắp đặt công trình thép, tà vẹt bê tông dự ứng lực (gồm cung cấp, mua sắm thiết bị, vật tư)
TNV168210280-002	**XÍ NGHIỆP CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG SẮT - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3** Lô đất số 3, Đường ĐCD.03, Khu công nghiệp Giang Điền, Xã Giang Điền, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất và lắp đặt công trình thép, tà vẹt bê tông dự ứng lực

Kết thúc danh sách.

Hiệu lực từ 2021-07-14

Hiệu lực đến 2024-07-13

Lê Sỹ Trung - Tổng Giám đốc
TUV NORD Việt Nam

TUV NORD Việt Nam
Tầng 12, tòa nhà T.I.D, số 4 Liễu Giai,
Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam
2021-10-19

TUV NORD Việt Nam, thành viên của tập đoàn TÜV NORD (CHLB Đức).

HCM VN60043 C19RC 0172 0280/ Không áp dụng ĐK 8.3

Trang 1/1

CÁC CHỨNG CHỈ, CHỨNG NHẬN KHÁC

TÜV NORD Vietnam

ANNEX

To Certificate Registration No. TNV168150106

ISO 9001 : 2015

PROJECT 3 CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
136/1 Tran Phu Street, Ward 4, District 5,
Ho Chi Minh City, Vietnam

Certificate Registration No.	Location	Scope
TNV168150106-001	**PROJECT 3 CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY** 136/1 Tran Phu Street, Ward 4, District 5, Ho Chi Minh City, Vietnam	Repair, construction of bridges, roads, railways Managing and operating projects for the production and installation of steel structure, prestressed concrete sleepers (including supply and procurement of equipment and materials)
TNV168150106-002	**RAILWAY ENGINEERING AND CONSTRUCTION ENTERPRISE - BRANCH OF PROJECT 3 CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY** Lot No. 3, Road DCD.03, Giang Dien Industrial Park, Giang Dien Commune, Trang Bom District, Dong Nai Province, Vietnam	Manufacturing and Installation of steel structure, prestressed concrete sleepers

End of the list.

Valid from 2021-07-14

Valid until 2024-07-13

Le Sy Trung - General Manager
TUV NORD Vietnam Ltd.

TUV NORD Vietnam Ltd.,
Floor 12th, T.I.D Building, No. 4 Lieu Giai,
Ba Dinh District, Hanoi, Vietnam
2021-10-19

TUV NORD Vietnam Ltd., a member of TÜV NORD Group.

HCM VN80040 C19RC 0172 0280/ Non-applicability of chapters: 8.3

Page 1 of 1

03

CÔNG NGHỆ THI CÔNG, SẢN XUẤT VÀ MÁY MÓC, THIẾT BỊ

- Năng lực công nghệ thi công và sản xuất
- Hệ thống nhà xưởng
- Danh mục máy móc, thiết bị
- Thiết bị thi công
- Thiết bị thí nghiệm
- Hình ảnh nhà xưởng và thiết bị

NĂNG LỰC CÔNG NGHỆ THI CÔNG VÀ SẢN XUẤT

01



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ VẬT LIỆU ĐƯỜNG SẮT

02



THIẾT BỊ VẬN TẢI VÀ RẤT NHIỀU THIẾT BỊ THI CÔNG KHÁC

03



SẢN XUẤT DẦM THÉP VÀ KẾT CẤU THÉP

04



SẢN XUẤT GHI

05



SẢN XUẤT TÀ VẸT BÊ TÔNG

06



THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

HỆ THỐNG NHÀ XƯỞNG

CT3 sở hữu hệ thống nhà xưởng quy mô lớn, rộng rãi, được quy hoạch khoa học và trang bị cơ sở vật chất khang trang, tiện nghi nhằm kiến tạo một môi trường sản xuất chuyên nghiệp. CT3 đặc biệt chú trọng đầu tư đồng bộ hệ thống máy móc, thiết bị hiện đại cùng các dây chuyền công nghệ tự động hóa tiên tiến. Sự hoàn thiện về hạ tầng kỹ thuật không chỉ đảm bảo độ chuẩn xác tuyệt đối cho từng sản phẩm vật tư xây dựng mà còn tối ưu hóa toàn diện hiệu suất làm việc. Đáp ứng được nhu cầu sản xuất với công suất cao và khối lượng đơn hàng lớn, cam kết đáp ứng đúng tiến độ.









DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ

Stt No.	Tên thiết bị (loại, kiểu, nhãn hiệu) Equipment name (type, model, brand)	Công suất, đặc tính kỹ thuật Capacity, technical characteristics	Số lượng Amount	Năm sản xuất Year of manufacture
A. THIẾT BỊ SẢN XUẤT/ EQUIPMENT OF PRODUCTION				
	XƯỞNG SẢN XUẤT DẦM THÉP & KẾT CẤU THÉP STEEL BEAM & STEEL STRUCTURE FACTORY	**Năng xuất 3.000 tấn/tons/ năm Productivity 3,000 tons/year**	**1**	**2016**
1	Máy cắt plasma / Plasma cutting machine	cắt thép/ Steel cutting	1	2016 ; Nhật/ Japan
2	Máy cắt CNC Plasma ; Ga Oxy 4 vòi CNC Plasma Cutting Machine; Oxygen Gas 4 taps	Bàn cắt/ Cutting table 3000*12000mm	1	2016 ; Việt Nam/ Vietnam
3	Máy cắt Tole/ Tole Cutting Machine	Cắt Tole khổ; 3 m; Dầy 14 mm Tole cutting Size; 3 meters; 14 mm thick	1	2016 ; Nhật/ Japan
4	Máy hàn CNC Lincol, Daihen Lincoln, Daihen CNC welding machine	500- 1000A ; hàn/ weld	3	2001-2002 ; Mỹ/ US , Đài Loan/ Taiwan
5	Máy hàn Co^2 -500A, (Hitachi 350) Co^2 -500A welding machine, (Hitachi 350)	500A ; hàn/ weld	2	2002- 2012 ; Hàn Quốc/ Korea , Nhật/ Japan
6	Máy hàn (Trạm hàn 6 mõ DC) Welding machine (DC 6 welding station)	1000A ; hàn/ weld	1	2002 ; Việt Nam/ Vietnam
7	Máy hàn dưới lớp thuốc-Super 1000DC Sub-layer welding machine-Super 1000DC	1000A ; hàn/ weld	1	2009 ; Trung Quốc/ China
8	Máy hàn MIG (Buddy Mig 500i) MIG welding machine (Buddy Mig 500i)	500A ; hàn dây/ rope weld	4	2017 - Hàn Quốc/ Korea
9	Máy hàn hồ quang chìm TTT 1000A TTT 1000A submerged arc welding machine	1000A ; hàn/ weld	2	2012 ; Việt Nam/ Vietnam

DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ

Stt No.	Tên thiết bị (loại, kiểu, nhãn hiệu) Equipment name (type, model, brand)	Công suất, đặc tính kỹ thuật Capacity, technical characteristics	Số lượng Amount	Năm sản xuất Year of manufacture
10	Máy hàn đa chức năng TCT 600A TCT 600A . multi-function welding machine	600A ; hàn/ weld	2	2012 ; Việt Nam/ Vietnam
11	Máy hàn Esab -Tig 150HF Esab -Tig 150HF welding machine	150A ; hàn/ weld	2	2002 ; Mỹ/ US
12	Máy hàn điện 500A/ 500A Electric welding machine	500A ; hàn/ weld	6	2004 ; Việt Nam/ Vietnam
13	Máy sấy que hàn Việt Nam/ Vietnam/ Vietnam welding rod d	100Kg ; sấy que hàn/ welding electrode drying	1	2002 ; Việt Nam/ Vietnam
14	Máy vát mép Nitto/ Nitto chamfering machine	1,5kW ; vát mép thép/ steel chamfer	2	2002 ; Nhật/ Japan
15	Máy cắt, đột, dập liên hợp Combined cutting, punching and stamping machines	7,5kW ; cắt, đột lỗ/ cutting, punching	1	1991 ; Nhật/ Japan
16	Máy khoan cần YMR-980 YMR-980 radial drilling machines	3,4kW ; Cần khoan 1,0 m ; khoan lỗ ø50 3.4kW ; Drill rod 1.0 meter ; drill hole ø50	1	1991 ; Nhật/ Japan
17	Máy khoan Toakikai/ Toakikai Drilling Machine	3,4kW ; Cần khoan 0,8 m ; khoan lỗ ø50 3.4kW ; Drill rod 0.8 meter ; drill hole ø50	1	1990 ; Nhật/ Japan
18	Máy khoan cần Nippon/ Nippon radial Drilling Machine	5kW ; Cần khoan 1,5 m ; khoan lỗ ø60 5kW ; 1.5 meter drill rod; drill hole ø60	1	2016 ; Nhật/ Japan
19	Máy Phay kim loại CNC/ CNC Metal Milling Machine	Phay CNC ; 50kW/ CNC Milling ; 50kW	1	1994 ; Nhật/ Japan
20	Máy khoan từ các loại Magnetic drilling machines from all kinds	1,5- 1.7 kW ; khoan lỗ/drill a hole	23	2002 ; Nhật/ Japan, Mỹ/ US, Anh/ England
21	Máy phun sơn nén khí/ Air compressor paint sprayer	Áp lực nén 4lít/phút ; lưu lượng 2-7 bar - sơn Compression pressure 4 liters/min; flow 2-7 bar - paint	5	2003- 2017 ; Mỹ/ US

DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ

Stt No.	Tên thiết bị (loại, kiểu, nhãn hiệu) Equipment name (type, model, brand)	Công suất, đặc tính kỹ thuật Capacity, technical characteristics	Số lượng Amount	Năm sản xuất Year of manufacture
22	Máy phun sơn Ultra 1000 (điện) Ultra 1000 electric paint sprayer	Áp lực tối đa 3300PSI - lưu lượng 2.0-1 lít/phút Maximum pressure 3300PSI - flow 2.0-1 liter/min		2005 ; Mỹ/ US
23	Máy phun cát Speelock, NG-200 NG-200 Speelock Sandblasting Machine	Dung tích 200 lít ; tẩy bề mặt kim loại 200 liter capacity ; metal surface cleaner	2	2001- 2017 ; Mỹ/ US, Việt Nam/ Vietnam
24	Máy tẩy sạch bề mặt kim loại (máy phun bi) Metal surface cleaning machine (ball blasting machine)	dài: 12m; cao:1,5m; rộng: 0,8m ; 4 m/phút length: 12m; height:1.5m; width: 0.8m ; 4 meters/minute	1	2004 Việt Nam/ Vietnam
25	Máy cắt con rùa Koike, Yungwang Koike, Yungwang cutting machine	cắt sắt/ iron cutting	7	2002- 2009 ; Mỹ/ US, Hàn Quốc/ Korea
26	Máy Tổ hợp cắt, khoan CNC CNC Cutting and Drilling Combination Machine	X: 2400mm,Y: 13000mm, Z: 200mm	1	2002 ; Việt Nam/ Vietnam
27	Máy nắn dầm H1700, HB60 H1700, HB60 Beam straightening machine	nắn tol dày: 6-50mm; V= 1-8m/phút ; nắn thép hình straightening tole thickness: 6-50mm; V= 1-8m/min ; shape steel	2	2003- 2012 ; Việt Nam/ Vietnam, Trung Quốc/ China
	XƯỞNG ĐÚC KIM LOẠI METAL CASTING FACTORY	**Năng suất 2.000 tấn/ năm Productivity 2.000 tons/ year**	**1**	**2017**
1	Lò trung tần inductotherm 0.5 tấn/tons, 1,5 tấn/tons Medium frequency furnace inductotherm 0.5 tons, 1.5 tons	Nấu đúc kim loại/ Australia kim loại/ metal heating and casting	2	2017; Úc/ Australia
2	Dây chuyền làm khuôn cát Omega Omega sand mold making line	Làm khuôn đÚc/ Australia/ Making molds	1	2017; Anh/ England
	XƯỞNG ĐÚc/ Australia TÀ VẸT BÊ TÔNG DƯL CONCRETE SLEEPER PRESSTREESING CASTING FACTORY	**Năng suất 30.000 thanh/ năm Productivity 30.000 bars/ year**	**1**	**2017**

DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ

Stt No.	Tên thiết bị (loại, kiểu, nhãn hiệu) Equipment name (type, model, brand)	Công suất, đặc tính kỹ thuật Capacity, technical characteristics	Số lượng Amount	Năm sản xuất Year of manufacture
1	Dây chuyền đúc tà vẹt Bê Tông DƯL Concrete sleeper presstreesing Casting Line	Đúc tà vẹt Ghi & TN1 Casting sleepers Ghi & TN1	1	2017; Thái Lan/ Thailand
B. THIẾT BỊ THI CÔNG/ CONSTRUCTION EQUIPMENT				
1	Búa đục đá UP14, Búa rung thủy lực NPK E213A Rock chisel hammer UP14, Hydraulic Vibrating Hammer NPK E213A	đập đá, phá bê tông/ Breaking rocks, breaking concrete	2	1988-1989 ; Nhật/ Japan
2	Búa đục phá bêtông TCB- 200 Concrete demolition hammer TCB-200	đục, phá bê tông chisel, break concrete	15	2002-2010 ; Nhật/ Japan
3	Bàn trượt và đế xoay ES/ Sliding table and swivel base ES	tải/load 30 tấn/tons ; sàng cầu/sieve	8	2001 ; Nhật/ Japan
4	Cần trục bánh xích Nippon - DH500, IHI- CH 500 Crawler crane Nippon - DH500, IHI-CH 500.	Sức nâng max/ Max lifting power: 50 tấn/tons ; xếp, dỡ vật tư/ loading and unloading materials	2	1989 ; Nhật/ Japan
5	Cần trục bánh xích Kobelco K7055 Crawler crane Kobelco K7055	Sức nâng max/ Max lifting power: 55 tấn/tons ; xếp, dỡ vật tư/ loading and unloading materials	1	1990 ; Nhật/ Japan
6	Cần trục bánh xích IHI - CH300 Crawler Crane IHI - CH300	Sức nâng max/ Max lifting power: 30 tấn/tons ; xếp, dỡ vật tư/ loading and unloading materials	1	1986 ; Nhật/ Japan
7	Cần trục bánh xích Hitach - KH125-2-3 Hitach crawler crane - KH125-2-3	Sức nâng max/ Max lifting power: 35 tấn/tons ; xếp, dỡ vật tư/ loading and unloading materials	3	1982- 1996 ; Nhật/ Japan
8	Cần trục bánh xích Sumitomo+ khoan cọc nhồi R9G Sumitomo crawler crane+ bored pile drill R9G	khoan tạo lỗ/drill hole Φmax 2,0m , sâu/deep/deep 80m	1	1990 ; Nhật/ Japan

DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ

Stt No.	Tên thiết bị (loại, kiểu, nhãn hiệu) Equipment name (type, model, brand)	Công suất, đặc tính kỹ thuật Capacity, technical characteristics	Số lượng Amount	Năm sản xuất Year of manufacture
9	Cổng trục (khẩu độ 13,5 x nâng cao12) m Gantry crane (aperture 13.5 x height12) meters	Sức nâng max/ Max lifting power: 45tấn/tons ; nâng hàng/ lifting materials	2	2012 ; Việt Nam/ Vietnam
10	Cần trục GQ16M-6 (di chuyển trên đường sắt) Crane GQ16M-6 (rail traveling)	nâng max/ max lift : 16tấn/tons ; xếp dỡ vật tư, thiết bị/ loading and unloading materials and equipment	1	2004 ; Trung Quốc/ China
11	Cần siết lực Tonichi Tonichi torque wrench	100-1000Nm ; siết bulong/ tighten bolts	2	2003 ; Nhật/ Japan
12	Dàn búa đóng cọc Piling hammer	Cao 22m ; giữ búa và cọc 22m high ; hold hammer and stake	1	2009 ; Việt Nam/ Vietnam
13	Dây chuyền sản xuất hộ lan mềm Production line of soft guardrails	35kW ; đột, cán tol/ punching, rolling tole	1 dây chuyền	2009 ; Việt Nam/ Vietnam
14	Kích căng cáp dự ứng lực Enerpac Enerpac prestressed cable tensioner	tải/load 300tấn/tons ; kéo căng cáp/cable tension	2	2003 ; Mỹ/ US
15	Kích căng cáp dự ứng lực Enerpac Enerpac prestressed cable tensioner	tải/load 60tấn/tons ; kéo căng cáp/cable tension	2	2008 ; Mỹ/ US
16	Kích căng cáp dự ứng lực OVM OVM prestressed cable tensioner	tải/load 100tấn/tons ; kéo căng cáp/cable tension	2	2009 ; Trung Quốc/ China
17	Kích căng cáp dự ứng lực YCQ 25Q-200 YCQ 25Q-200 prestressed cable tensioner	tải/load 25tấn/tons ; kéo căng cáp/cable tension	2	2010 ; Trung Quốc/ China
18	Kích căng cáp dự ứng lực YCQ 100Q-200 YCQ 100Q-200 prestressed cable tensioner	tải/load 100tấn/tons ; kéo căng cáp/cable tension	2	2010 ; Trung Quốc/ China
19	Kích thủy lực các loại Hydraulic jacks of all kinds	tải/load 50- 100 tấn/tons ; nâng, hạ/ Lifting	50	2001-2010 ; Nhật/ Japan, Anh/ England

DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ

Stt No.	Tên thiết bị (loại, kiểu, nhãn hiệu) Equipment name (type, model, brand)	Công suất, đặc tính kỹ thuật Capacity, technical characteristics	Số lượng Amount	Năm sản xuất Year of manufacture
20	Máy đào bánh Komatsu PC200-5 Komatsu PC200-5 Wheel Excavator	0,7m³ ; đào đắp/ dig and cover	1	1989 ; Nhật/ Japan
21	Máy đào bánh xích Komatsu các loại Komatsu Crawler Excavators	0,1- 0,9m³ ; đào đắp/ dig and cover	6	1993- 2005 ; Nhật/ Japan
22	Máy đào bánh xích Komatsu PC50UU-2E Komatsu PC50UU-2E Crawler Excavator	29,4 kw - 0,22m³ ; đào đắp/ dig and cover	1	1995 ; Nhật/ Japan
23	Máy đào bánh xích Kobelco SK30UR-3 Kobelco SK30UR-3 Crawler Excavator	0,06m³ ; đào đắp/ dig and cover	1	2010 ; Nhật/ Japan
24	Máy trải bê tông nhựa Mitsubishi Mitsubishi asphalt paver machine	100tấn/giờ/tons/h ; trải bê tông nhựa/asphalt concrete spread	1	1989 ; Nhật/ Japan
25	Máy trộn nhựa Nigata NFB 60C Nigata NFB 60C Asphalt Mixer	150tấn/giờ/tons/h ; trải bê tông nhựa/asphalt concrete spread	1	1992 ; Nhật/ Japan
26	Máy bơm bê tông Concrete pumps	60m³/h ; bơm bê tông tươi/fresh concrete pump	1	1999 ; Ý
27	Máy đào bánh lốp Volvo EW140 Volvo EW140 wheel excavator	0,6m³ ; đào lắp/ dig and cover	1	2008 ; Đức/ Germany
28	Máy rung điện Tomen Electric Vibrator Tomen	45 kW- 60 kW ; nén cừ, ống/ pile compression	3	1989-1995 ; Nhật/ Japan
29	Máy búa đóng cọc Kobe K25, K45 Kobe K25, K45 Piling Hammer	2,5- 4,5 tấn/tons; đóng cọc/pile driving	3	Nhật/ Japan
30	Máy búa đóng cọc Mitsubishi MH35 Mitsubishi MH35 Piling Hammer	3,5tấn/tons; đóng cọc/pile driving	1	Nhật/ Japan

DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ

Stt No.	Tên thiết bị (loại, kiểu, nhãn hiệu) Equipment name (type, model, brand)	Công suất, đặc tính kỹ thuật Capacity, technical characteristics	Số lượng Amount	Năm sản xuất Year of manufacture
31	Máy búa đóng cọc Mitsubishi MB45C Mitsubishi MB45C Piling Hammer	4,5tấn/tons ; đóng cọc/pile driving	1	Nhật/ Japan
32	Máy khoan tuần hoàn nghịch GPS22 GPS22 Reverse Circulation Drill	khoan tạo lỗ/drill hole Φmax 2,0m , sâu/deep 80m	1	2009 ; Trung Quốc/ China
33	Máy khoan cọc nhồi KH125D Bored pile drilling machine KH125D	khoan tạo lỗ/drill hole Φmax 2,0m , sâu/deep 80m	1	1989 ; Nhật/ Japan
34	Máy khoan tuần hoàn Hitachi S320 Hitachi S320 Circulating Drill	khoan tạo lỗ/drill hole Φmax 3,0m, sâu/deep 80m	1	1986 ; Nhật/ Japan
35	Máy khoan đập cáp CK1800, CK2000, JK8 Cable percussion drilling machine CK1800, CK2000, JK8	tạo lỗ Φmax 2 m, sâu/deep 80m	10	2009- 2013; Trung Quốc/ China
36	Máy ủi Komatsu D4 Komatsu D4 bulldozer	45CV ; san lấp/backfill	1	1989 ; Nhật/ Japan
37	Máy san Caterpilar Caterpilar leveling machine	180CV, lưỡi 3,7m ; san lấp/backfill	2	1989 ; Mỹ/ US
38	Máy lu bánh thép Galion Galion Steel wheel Roller	10-12tấn/tons ; lu lèn/Compaction	1	1987 ; Mỹ/ US
39	Máy lu bánh thép Asahi Asahi Steel Wheel Roller	10tấn/tons ; lu lèn/Compaction	1	1989 ; Nhật/ Japan
40	Máy lu bánh thép Galion Galion Steel wheel Roller	8tấn/tons ; lu lèn/Compaction	1	1986 ; Mỹ/ US
41	Máy lu bánh thép Liên Xô Soviet steel wheel roller	10-12 tấn/tons ; lu lèn/Compaction	1	1985 ; Liên xô
42	Máy Lu rung Bomag BW211 D3 Bomag BW211 D3 Vibrating Roller	tĩnh:11tấn/tons, rung: 25tấn/tons ; lu lèn/Compaction	1	2002 ; Đức
43	Máy lu rung Sakai SV500 Sakai SV500 Vibrating Roller	tĩnh:11tấn/tons, rung: 25tấn/tons ; lu lèn/Compaction	1	1995 ; Nhật/ Japan

DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ

Stt No.	Tên thiết bị (loại, kiểu, nhãn hiệu) Equipment name (type, model, brand)	Công suất, đặc tính kỹ thuật Capacity, technical characteristics	Số lượng Amount	Năm sản xuất Year of manufacture
44	Máy lu bánh lốp Sakai Sakai wheel roller machine	8,5tấn/tons ; lu lèn/Compaction	1	1987 ; Nhật/ Japan
45	Máy lu rung đẩy tay Bomag, Sakai Bomag, Sakai hand push roller	1100kg ; lu lèn/Compaction	5	1989- 1999; Đức, Nhật/ Japan
46	Máy nén khí các loại Air compressors of all kinds	50- 100 HP ; nén khí/compressed air	13	1990- 2001; Đài Loan/ Taiwan, Nhật/ Japan
47	Máy bơm vữa, trộn vữa UB3C, JW 180 Mortar pump, mortar mixer UB3C, JW 180	3,0m³/h ; bơm vữa/ grout pump	2	2003 ; Trung Quốc/ China
48	Máy trộn bê-tông các loại Concrete mixers of all kinds	25-30m³/h ; trộn bê tông/ mix concrete	18	2002-2010 ; Trung Quốc/ China Việt Nam/ Vietnam
49	Máy phát điện Generator	4,0kVA ; phát điện/; power generation	1	2001 ; Nhật/ Japan
50	Máy phát điện DC DC Generator	5,0kVA ; phát điện/; power generation	1	2001 ; Trung Quốc/ China
51	Máy phát điện các loại Generators of all kinds	10- 300 kVA ; phát điện/; power generation	3	1984- 2010 ; Nhật/ Japan, Trung Quốc/ China
52	Máy dồn ray 400N Rail bending machine 400N	Dồn ray/ rail bending	1	2002 ; Trung Quốc/ China
53	Máy chèn đường sắt XYD-2A, NZHTV 410 Rail Inserting Machine XYD-2A, NZHTV 410	10CV ; chèn đá đường sắt/ railway stone insert	9	2000 - 2013 ; Trung Quốc/ China
54	Máy cưa, khoan ray Trung Quốc-NQG-3 China-NGG-3 Sawing and Drilling Machine	2,0kW ; cưa, khoan ray/saw, drill rail	5	2000 ; Trung Quốc/ China

DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ

Stt No.	Tên thiết bị (loại, kiểu, nhãn hiệu) Equipment name (type, model, brand)	Công suất, đặc tính kỹ thuật Capacity, technical characteristics	Số lượng Amount	Năm sản xuất Year of manufacture
55	Máy khoan ray NZG-31.III ; động cơ Honda G35 NZG-31.III rail drill ; Honda G35 Engine	1,2kW ; khoan ray/drill rail	6	2013-2014 ; Trung Quốc/ China
56	Máy cắt ray NQG-5.III ; động cơ Honda G35 Rail cutting machine NQG-5.III ; Honda G35 Engine	4,8kW ; cắt ray/ cut rails	3	2013-2014 ; Trung Quốc/ China
57	Máy chèn đường TT-E2B TT-E2B line insertion machine	4KVA ; chèn đá đường sắt/ railway stone insert	3	2014 ; Nhật/ Japan
58	Máy khoan Ray Railmab 925 Railmab 925 rail drilling machine	ø30mm ; khoan ray/drill rail	1	2013 ; Đức
59	Máy chèn đường sắt cầm tay TT-450E TT-450E Handheld Rail Inserting Machine	4KVA ; chèn đá đường sắt/ railway stone insert	2	2021 ; Nhật/ Japan
60	Máy chèn đá đường sắt XYD-2AIII XYD-2AIII Railway Stone Inserting Machine	7,0KW ; chèn đá đường sắt/ railway stone insert	8	2021 ; Trung Quốc/ China
61	Máy cưa, cắt ray NQG -5III Sawing, cutting rail machine,NQG -5III	4,8 KW	4	2023 ; Trung Quốc/ China
62	Máy đột tà vẹt sắt Iron sleeper punching machine	10CV ; đột lỗ tà vẹt/punch holes in sleepers	1	2000 ; Trung Quốc/ China
63	Máy siết bu long cường độ cao High strength bolt tightening machine	800- 1000 Nm ; siết bu long/tighten bolts	4	2005- 2009 ; Nhật/ Japan
64	Máy hàn Bolông Panasonic - Stud-2200 Panasonic - Stud-2200 Bolt Welding Machine	M12-M32mm ; Hàn bu lông/Welding bolts	1	2002 ; Nhật/ Japan
65	Máy nung rivê Rivet heating machine	2,0rivê/phút/minute ; nung rive/burn rive	1	2000 ; Đài Loan/ Taiwan

DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ

Stt No.	Tên thiết bị (loại, kiểu, nhãn hiệu) Equipment name (type, model, brand)	Công suất, đặc tính kỹ thuật Capacity, technical characteristics	Số lượng Amount	Năm sản xuất Year of manufacture
66	Máy tiện T6M20 T6M20 Lathe machine	Tiện/lathe	1	1990 ; Việt Nam/ Vietnam
67	Máy phát điện hàn Denyo Denyo Welding Generator	280 A- 9,9 kVA ; hàn/weld	3	2000-2010 ; Nhật/ Japan
68	Máy phát điện + hàn động cơ Diesel Generator + Diesel engine welder	100A ; phát điện/; power generation, hàn/weld	1	2001 ; Nhật/ Japan
69	Máy toàn đạt điện tử Pentax R-323NX Pentax R-323NX electronic total station machine	đo đạc/measure	1	2006 ; Nhật/ Japan
70	Máy thủy chuẩn AL28, Sokkia C320-330- 41 Leveling machine AL28, Sokkia C320-330- 41	đo đạc/measure	10	2001- 2009 ; Nhật/ Japan
71	Máy toàn đạt điện tử electronic total station machine	đo đạc/measure	4	2008 ; Thụy Sỹ
72	Máy kinh vĩ NE-20H Nikon Theodolite NE-20H Nikon	đo đạc/measure	5	2001-2009 ; Nhật/ Japan
73	Máy đầm đất Mikasa MT-55- 72 Mikasa MT-55- 72 Compactor	lực đập/beating force : 1400kg ; đầm đất/soil compaction	26	2001-2013 ; Nhật/ Japan
74	Máy đầm dùi Mikasa Mikasa hammer compactor	biên độ rung/vibration amplitude g 2mm; 9.000 -12.500 v/p	3	2000-2006 ; Nhật/ Japan
75	Máy uốn sắt TBO-32 hiệu Toyo Toyo TBO-32 iron bending machine	Φ6-Φ32mm ; cắt sắt/cut iron	2	1990 ; Nhật/ Japan
76	Pa lăn điện cáp các loại Electric Hoist of all kinds	tải/load 3,2- 10 tấn/tons ; nâng, hạ/ Lifting	8	1998- 2012 ; Nhật/ Japan
77	Quả chùy đập đá The mace smashes the rock	Φ 1,5m, nặng/weight 5.700kg	9	2011-2012 ; T-Quốc

DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ

Stt No.	Tên thiết bị (loại, kiểu, nhãn hiệu) Equipment name (type, model, brand)	Công suất, đặc tính kỹ thuật Capacity, technical characteristics	Số lượng Amount	Năm sản xuất Year of manufacture
78	Sà lan (27,5x7,74x1,5x1,25)mt Barge	tải/load 200tấn/tons ; vận chuyển vật tư thiết bị/ transportation of materials and equipment	1	2008 ; Việt Nam/ Vietnam
79	Sà lan (32,0x9,0x1,75x1,40)mt Barge	tải/load 270tấn/tons ; vận chuyển vật tư thiết bị/ transportation of materials and equipment	1	2008 ; Việt Nam/ Vietnam
80	Sà lan (32,0x9,0x1,75x1,40)mt Barge	tải/load 300tấn/tons ; vận chuyển vật tư thiết bị/ transportation of materials and equipment	1	2009 ; Việt Nam/ Vietnam
81	Sà lan (34,0x9,70x2,40x2,10)mt Barge	tải/load 500tấn/tons ; vận chuyển vật tư thiết bị/ transportation of materials and equipment	1	2006 ; Việt Nam/ Vietnam
82	Sà lan (45,30x7,0x2,68x2,30)mt Barge	tải/load 700tấn/tons ; vận chuyển vật tư thiết bị/ transportation of materials and equipment	1	2001 ; Việt Nam/ Vietnam
83	Trạm trộn bê tông nhựa nóng Hot asphalt mixing plant	40-50tấn/giờ/tons/h ; trộn bê tông nhựa/mix asphalt concrete	1	2004 ; Việt Nam/ Vietnam
84	Trạm trộn bê tông xi măng Cement concrete batching plant	25-30tấn/giờ/tons/h ; trộn bê tông xi măng/ cement concrete mix	1	2006 ; Việt Nam/ Vietnam
85	Thiết phụ trợ khoan cọc nhồi Auxiliary equipment for bored pile drilling	hỗ trợ cho khoan cọc nhồi/ support for bored pile drilling	2	2006, 2011 Việt Nam/ Vietnam
86	Toa xe N 3532085 (CD5565) Wagon	tải/load 30tấn/tons ; vận chuyển vật tư thiết bị/ transportation of materials and equipment	1	2004 ; Trung Quốc/ China
87	Toa xe N 3532068 (CD5564) Wagon	tải/load 30tấn/tons ; vận chuyển vật tư thiết bị/ transportation of materials and equipment	1	2004 ; Trung Quốc/ China
88	Toa xe N 5156 (CD5156)/ Wagon	tải/load 30tấn/tons ; vận chuyển vật tư thiết bị/ transportation of materials and equipment	1	2004 ; Nhật/ Japan

DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ

Stt No.	Tên thiết bị (loại, kiểu, nhãn hiệu) Equipment name (type, model, brand)	Công suất, đặc tính kỹ thuật Capacity, technical characteristics	Số lượng Amount	Năm sản xuất Year of manufacture
89	Toa xe XT 1061 (CD5566) Wagon	tải/load 5,0tấn/tons ; vận chuyển vật tư phục vụ cẩu/Transporting materials for crane service	1	2003 ; Php
90	Toa xe XT 5559 (CD5559) Wagon	tải/load 10tấn/tons ; vận chuyển vật tư phục vụ cẩu/Transporting materials for crane service	1	2004 ; Việt Nam/ Vietnam
91	Toa xe HH431482 (CD5168) Wagon	40tấn/tons ; vận chuyển vật tư, thiết bị/ transportation of materials and equipment	1	2007 ; Ấn Độ
92	Tirfor Super Till S-35	nâng/lift : 3,2tấn/tons, kéo/pull 5tấn/tons	17	2002 - 2010 ; Nhật/ Japan
93	Tời quay tay Hand winch	tải/load 5tấn/tons ; kéo/pull	6	2000 ; Pháp, Mỹ/ US
94	Xe lao dầm cầu erection girder	tải/load ≥100tấn/tons ; sàn cầu/bridge deck	26	2005; 2019 Việt Nam/ Vietnam
C. THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM/ EXPERIMENTAL EQUIPMENT				
1	Máy kéo nén uốn đa năng điều khiển kỹ thuật số Enerpac Enerpac Digital Control Multi-Purpose Compression Tensile Machine	kéo/pull 150tấn/tons	1	2001
2	Máy phân tích quang phổ OES - Spectrocheck (LMM01) OES Spectrophotometer - Spectrocheck (LMM01)	Phân tích thành phần kim loại Analysis of metal composition	1	2016 - Đức/ Germany
3	Máy đo độ cứng kim loại đa năng Innovatest Innovatest multi-function metal hardness tester	Đo độ cứng kim loại Measurement of metal hardness	1	Hà Lan/ Netherlands
4	Máy đo độ cứng kim loại cầm tay Mitutoyo Mitutoyo portable metal hardness tester	Đo độ cứng kim loại Measurement of metal hardness	1	Nhật/ Japan

DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ

Stt No.	Tên thiết bị (loại, kiểu, nhãn hiệu) Equipment name (type, model, brand)	Công suất, đặc tính kỹ thuật Capacity, technical characteristics	Số lượng Amount	Năm sản xuất Year of manufacture
5	Máy siêu âm kiểm tra khuyết tật kim loại Epoch Epoch Ultrasonic Metal defect Inspection Machine	siêu âm khuyết tật ultrasonic inspection	1	2022: Mỹ/ US
6	Máy quay ly tâm Wuxi LLC15 Wuxi LLC15 Centrifugal Rotary	T.lượng SP, cần quay 4 kg Prognosis of the product, the crank weighs 4kg	1	2003
7	Máy nén bê tông kỹ thuật số ADR200 ADR200 digital concrete compressor	nén/ compress 200tấn/tons	1	2010
8	Bộ dụng cụ kiểm tra Betonit (Ofite 161-10-Mỹ/ US) Betonit Test Kit (Ofite 161-10-US/ US)	Kiểm tra Bentonit/ Bentonite test	1	2012
9	Máy nén vữa XM điều khiển kỹ thuật số Unit Test Unit Test Digital controlled cement mortar compressor	nén 250KN/ Compression 250KN	1	2003
10	Máy nén Marsall Marsall Compressor	nén/ Compression	1	2005
11	Máy Jonke từ Jonke magnetic machine	kiểm tra/ test	1	2004
12	Máy đo chiều dày lớp phủ Posi Tector -6000 FNS3 Posi Tector -6000 FNS3 Coating Thickness Gauge	đo chiều dày lớp phủ/ coating thickness measurement	1	2009
13	Máy khoan bêtông nhựa Plastic concrete drilling machine	khoan/ drill	1	2005
14	Máy cắt đất ba tốc độ ZJ-3 ZJ-3 three-speed ground cutter	cắt đất/ cut the ground	1	2006
15	Máy nén cố kết tam liên WG-1B WG-1B Triple Consolidation Compressor	nén cố kết/ consolidation compression	1	2006

DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ

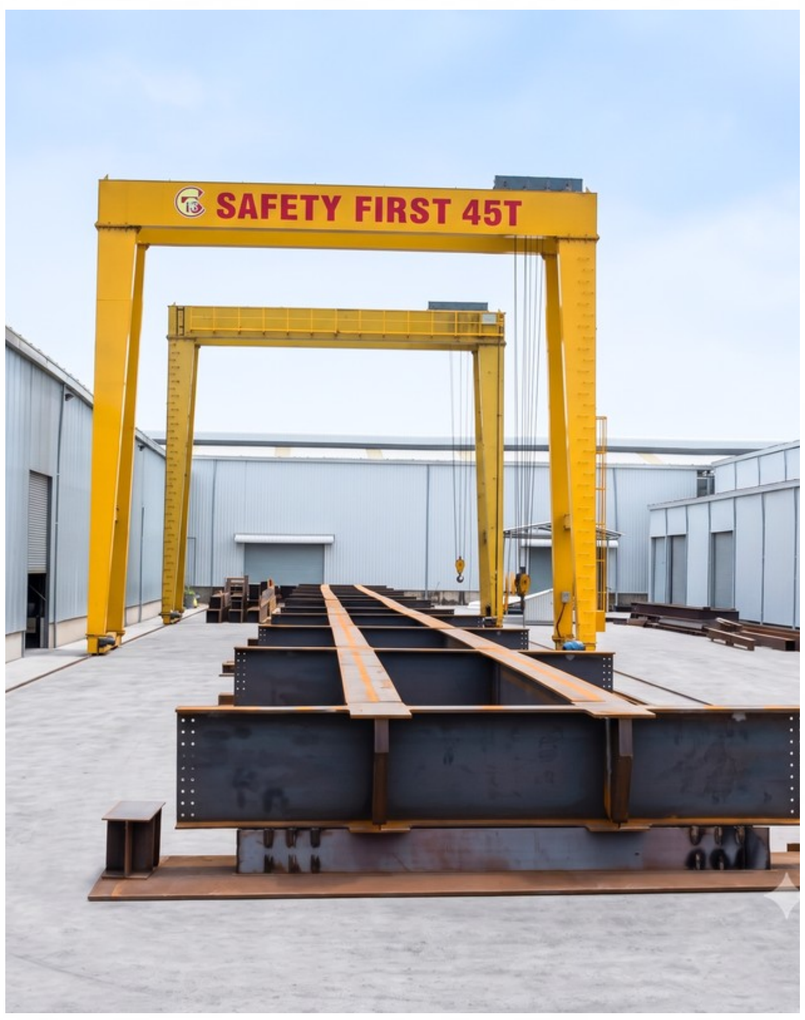
Stt No.	Tên thiết bị (loại, kiểu, nhãn hiệu) Equipment name (type, model, brand)	Công suất, đặc tính kỹ thuật Capacity, technical characteristics	Số lượng Amount	Năm sản xuất Year of manufacture
16	Máy kéo nhựa MLY1.5 MLY1.5 Plastic Tractor	kéo nhựa đường/ asphalt pull	1	2006
17	Máy thử mài mòn Los Angeles Los Angeles Abrasion Tester	thử mài mòn/ abrasion test	1	2006
18	Máy hút chân không 2XZ-1 2XZ-1 Vacuum Sealer	hút chân không/Vacuum	1	2006
19	Máy nén cường độ vật liệu CBR CBR Material Strength Compressor	kiểm tra lực/ force test	1	2006
20	Máy trộn vữa tự động JJ-5 Trung Quốc China JJ-5 automatic mortar mixer	Quay tròn 140±5vòng/phút đến 285±10vòng/phút Spin 140±5rpm to 285±10rpm	1	2012
21	Máy nén bê tông 3000KN-Matest 3000KN-Matest Concrete Compressor	Hành trình piston 55mm ; Độ chính xác: Gade 1.0 55mm piston stroke; Accuracy: Gade 1.0	1	2012
22	Máy khoan bê tông-Ken 6200N Z1Z-SH01-200 Concrete Drilling Machine-Ken 6200N Z1Z-SH01-200	Đường kính mẫu khoan 13-200mm ; khoan mẫu Diameter of drill bit 13-200mm; drill sample	1	2012
23	Máy trộn bê tông 80lít 80liter concrete mixer	25Kg ; trộn bê tông/ Concrete mixer		
24	Thước đo mối hàn Shin W2 Welding gauge Shin W2	đo chiều cao đường hàn/ Measure the height of the weld line	2	2004
25	Tủ sấy tổn thất nhựa độ chính xác 168±1˚C Plastic loss drying oven with accuracy 168±1˚C	sấy/drying	1	2003
26	Tủ sấy Menmert -Đức Dryer Memmert - Germany	sấy 210˚C/ drying 210˚C	1	2003

XƯỞNG SẢN XUẤT DẦM CẦU THÉP









XƯỞNG SẢN XUẤT DẦM CẦU THÉP





XƯỞNG SẢN XUẤT GHI















XƯỞNG SẢN XUẤT TÀ VẸT BÊ TÔNG

Sản xuất tà vẹt bê tông DƯL và tà vẹt bê tông ghi tốc độ cao













XƯỞNG SẢN XUẤT TÀ VẸT BÊ TÔNG

Sản xuất tà vẹt bê tông DƯL và tà vẹt bê tông ghi tốc độ cao













THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM



MÁY SIÊU ÂM ĐƯỜNG HÀN EPOCH 650



MÁY SIÊU ÂM CỌC KHOAN NHỒI



MÁY ĐO ĐỘ CỨNG CẦM TAY



MÁY ĐO ĐỘ CỨNG KIM LOẠI



MÁY THỬ CƠ TÍNH KIM LOẠI



MÁY PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HÓA HỌC KIM LOẠI



MÁY THỬ NÉN BÊ TÔNG



MÁY KÉO THÉP

04

HỒ SƠ KINH NGHIỆM

- Số năm kinh nghiệm
- Danh sách hợp đồng xây dựng tiêu biểu
- Kinh nghiệm thi công cầu đường sắt và đường sắt
- Kinh nghiệm thi công cầu đường bộ và đường bộ
- Kinh nghiệm thi công công trình dân dụng và công nghiệp

SỐ NĂM KINH NGHIỆM

LOẠI HÌNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG	SỐ NĂM KINH NGHIỆM
1 - Xây dựng chuyên ngành giao thông	**49 năm**
2 - Xây dựng công trình dân dụng	**49 năm**
3 - Sản xuất, lắp dựng kết cấu thép	**49 năm**
4 - Sản xuất bê tông đúc sẵn	**49 năm**
5 - Thí nghiệm và kiểm nghiệm vật liệu xây dựng	**22 năm**
6 - Khảo sát, lập dự án đầu tư giám sát thi công công trình	**22 năm**
7 - Kiểm định chất lượng công trình xây dựng	**20 năm**



DANH SÁCH HỢP ĐỒNG TIÊU BIỂU

Tên Công trình	Tổng giá trị hợp đồng (Triệu đồng)	Giá trị do nhà thầu thực hiện	Khởi công	Hoàn thành	Tên cơ quan ký hợp đồng
Cầu đường bộ, đường bộ					
- Gói thầu số 14: Đoạn tránh TX Hồng Ngự: Cầu Hồng Ngự 2 Km 3+675 ÷ Km 4+750 (bao gồm cầu, đường và TKBVTC) (LD Cty CP ĐT&XD CT3 - Cty CT GT 473 - Cty CP ĐTXD Trường Sơn)	179,457	126,863	04/2011	06/2016	Ban QLDA XDCT Giao thông Đồng Tháp
- Gói thầu XL7: Xây dựng đường Vành Đai 3 đoạn qua huyện Hóc Môn (từ Km58+647 đến Km62+700) thuộc Dự án Thành phần 1: Xây dựng đường Vành Đai 3 đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh (bao gồm cầu kênh Thầy Thuốc)	1.411,230	98,114	01/2024	2026	Ban Quản lý các Dự án Giao thông TP. HCM
- Gói thầu xây lắp 1: Thi công xây lắp phần tuyến, mố, trụ, kết cấu nhịp, trụ tựa và công trình phụ trên bến (02 bờ). DA nâng cấp mở rộng bến phà Cát Lái	48,185	48,185	10/2014	08/2016	Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà TP. Hồ Chí Minh
- Gói thầu số 8: Thi công nền, mặt đường, cầu và cống thuộc dự án đường vành đai ĐT848 và cầu Sa Đéc 2, Thành phố Sa Đéc, giai đoạn 1	184,323	184,323	09/2014	06/2017	Ban QLDA XD Công trình Giao thông Đồng Tháp
- Công trình: Cầu Ea Huar 1; cầu Ea Huar 2; cầu Cố Kính; cầu Ea Ly & Ea Wer và cầu Bình Minh. Dự án XD các cầu treo trên địa bàn Tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông.	20,566	20,566	12/2014	03/2016	Ban quản lý dự án 3
- Công trình: Sản xuất và lắp dựng kết cấu Cầu thép Nhánh Hoàng Minh Giám – Nguyễn Kiệm thuộc Dự án: Xây dựng cầu vượt thép tại nút giao Nguyễn Thái Sơn – Nguyễn Kiệm, Gò Vấp.	58,848	58,848	03/2017	05/2017	Công ty cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long
- Gói thầu: Xây lắp cầu, đường nhánh, đảm bảo giao thông thủy và phá dỡ cầu cũ. Thuộc công trình: Xây dựng cầu Tăng Long, Quận 9, TP. HCM. (LD THĂNG LONG MECO - TLG - CT3 - TL)	248,309	54,024	12/2017	03/2024	Khu Quản lý giao thông đô thị số 2
- Gói thầu số 6: Thi công xây dựng công trình: Sửa chữa nền, mặt đường; Bổ sung hệ thống thoát nước dọc; Hoàn thiện hệt thống an toàn giao thông đoạn Km268+568 - Km272+700, QL 27 cũ, Tỉnh Ninh Thuận	32,760	32,760	10/2018	04/2019	Ban Quản lý dự án 8
- Gói thầu: Xây dựng cầu vượt rẽ trái từ Cát Lái đến cầu Phú Mỹ thuộc Dự án Thành phần 1: Xây dựng nút giao thông Mỹ Thủy, Thành phố Thủ Đức	44,471	44,471		2026	Ban Quản lý các Dự án Giao thông TP. HCM

DANH SÁCH HỢP ĐỒNG TIÊU BIỂU

Tên Công trình	Tổng giá trị hợp đồng (Triệu đồng)	Giá trị do nhà thầu thực hiện	Khởi công	Hoàn thành	Tên cơ quan ký hợp đồng
- Gói thầu: Thi công xây dựng công trình thuộc dự án Xây dựng Cầu Tân Bửu Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh và Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An (LD Cty CP CT Thành Phát - Cty CT3)	129,257	51,703	09/2018	12/2022	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Huyện Bình Chánh
- Gói thầu số 06: Thi công xây dựng công trình. Dự án: Sửa chữa nền, mặt đường; bổ sung hệ thống thoát nước dọc; hoàn thiện hệ thống an toàn giao thông đoạn Km268+568 – Km272+700, QL.27 cũ, tỉnh Ninh Thuận	32,760	31,806	08/2018	11/2019	Ban Quản lý dự án 8
- Gói thầu số 23: Thi công cải tạo, nâng cấp nền đường, kiến trúc tầng trên một số đoạn tuyến thuộc Tỉnh Bình Định. Thuộc dự án: Dự án gia cố các hầm yếu kết hợp mở mới các ga và cải tạo kiến trúc tầng trên đoạn Vinh - Nha Trang, tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh. (Liên danh CTy CP ĐT&XD CT3 - Cty CP ĐS Hà Hải - Cty CP ĐS P. Khánh - Cty CP ĐS Nghĩa Bình)	130,227	65,461	03/2021	12/2021	Ban QLDA 85
- Gói thầu số 02: Thi công hệ thống thoát nước mưa, nước thải. Dự án: Khu dân cư Tiến Lộc Garden	48,578	48,578	01/2019	12/2021	Công ty CP Đầu tư Xây dựng hạ tầng Thành An
- Gói thầu số 02: Thi công xây dựng Phần tuyến: Km30+000 – Km46+458,9; Phần cầu: Cái Mơn Lớn, Cây Da, Hòa Khánh, Giồng Keo, Kinh Ngang. Dự án: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 57 đoạn từ bến phà Đình Khao đến Thị trấn Mỏ Cày, Tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long. (Liên danh Công ty CP ĐT&XL công trình 575 và CTCP ĐT&XD CT3)	233,807	93,475	03/2020	08/2022	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Tỉnh Bến Tre
- Gói thầu QB05: Xây dựng tuyến đường từ Lộc Ninh đến Khu công nghiệp Tây bắc Đồng Hới. Thuộc dự án: Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình giữa Ban Quản lý dự án hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện Tỉnh Quảng Bình (Liên danh Công ty TNHH XD Minh Hà - CTCP ĐT&XD CT3)	99,408	41,949	06/2021	11/2023	Ban Quản lý dự án hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện Tỉnh Quảng Bình.
- Gói thầu CW4C: Xây dựng đoạn tuyến Km17+500÷Km23+561,22 thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến nối QL91 và tuyến tránh TP. Long Xuyên.	115,343	115,343	01/2022	12/2023	Công ty TNHH Như Nam
Gói thầu: Xây lắp cầu, đường nhánh, đảm bảo giao thông thủy và phá dỡ cầu cũ thuộc Dự án: Xây dựng cầu Tăng Long, Quận 9	54,024	54,024		2026	Ban Quản lý các Dự án Giao thông TP. HCM

DANH SÁCH HỢP ĐỒNG TIÊU BIỂU

Tên Công trình	Tổng giá trị hợp đồng (Triệu đồng)	Giá trị do nhà thầu thực hiện	Khởi công	Hoàn thành	Tên cơ quan ký hợp đồng
- Gói thầu: Di dời ga đường sắt Gò Vấp, thiết lập đường ngang mới và đường gom dân sinh phục vụ dự án xây dựng tuyến đường nối Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài (bao gồm cả cung cấp thiết bị) Thuộc dự án: Xây dựng tuyến đường nối Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài (Liên danh CTy CP ĐT & XD CT3 - Cty CP ĐT Công trình Hà Nội)	79,995	73,412	01/2013	01/2015	Ban QLDAĐS KV3
- Gói thầu số 10: Thi công cải tạo, nâng cấp nền đường, kiến trúc tầng trên một số đoạn tuyến; cải tuyến 01 đoạn đường cong tại Km1040+286 thuộc các Tỉnh Quảng Nam, Bình Định. Thuộc dự án: Dự án gia cố các hầm yếu kết hợp mở mới các ga và cải tạo kiến trúc tầng trên đoạn Vinh - Nha Trang, tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh. (Liên danh CTy CP ĐT&XD CT3 - Cty CP ĐS QN- ĐN - Cty CP ĐS T. Hải - Cty CP ĐS P. Khánh)	177,213	68,440	08/2020	04/2022	Ban QLDA 85
- Gói thầu số 08: Thi công xây dựng hạng mục công trình ga mở mới, kéo dài đường ga, mái che - ke ga, hàng rào, đường gom và các công trình trên tuyến. Thuộc dự án: Dự án gia cố các hầm yếu kết hợp mở mới các ga và cải tạo kiến trúc tầng trên đoạn Vinh - Nha Trang, tuyến đường sắt Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh. (Liên danh CTy CP ĐT&XD CT3 - Cty CP XD CT T.Lộc - Cty CP XDCT & ĐT 120 - Cty CP CK & XL Cầu đường)	273,035	158,427	12/2020	03/2023	Ban QLDA 85
- Gói thầu số 20: Cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Km1582+022 đến Km1614+300 thuộc tỉnh Bình Thuận. Thuộc dự án: Cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Nha Trang – Sài Gòn, tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh. (Liên danh Cty ĐS Sài Gòn - Cty CT3 - Cty ĐS QNĐN - Cty TTTH ĐSSG)	206,844	98,279	12/2020	07/2022	Ban QLDA Đường sắt
- Gói thầu XL-HNV-03: Nâng cấp, kéo dài ga Nghĩa Trang; Nâng cấp giao ke khác mức ga Thanh Hóa; Nâng cấp, cải tạo các khu gian từ Thanh Hóa đến Thị Long (Km175+230 - Km207+000); Xây dựng hàng rào đường gom dọc tuyến. Thuộc dự án: Cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Hà nội – Vinh, tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh. (Liên danh Cty CP ĐT&XD CT3 - Cty CP ĐS Thanh Hóa - Cty CP ĐS Hà Thái)	180,638	66,125	11/2020	03/2022	Ban QLDA Đường sắt

DANH SÁCH HỢP ĐỒNG TIÊU BIỂU

Tên Công trình	Tổng giá trị hợp đồng (Triệu đồng)	Giá trị do nhà thầu thực hiện	Khởi công	Hoàn thành	Tên cơ quan ký hợp đồng
Cầu đường sắt, đường sắt					
- Công trình: Xây dựng khôi phục cầu Đồng Nai lớn (cầu Ghềnh) Km1699+860" thuộc công trình: "Xây dựng khôi phục cầu Đồng Nai lớn (cầu Ghềnh) Km1699+860 tuyến đường sắt Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh theo lệnh khẩn cấp" (LD Cty CP TCT công trình Đường sắt; LD Cty CP Đầu tư & Xây dựng CT3 - Cty CP Công trình Thành Phát; Tổng cty XD công trình GTVT1 - Cty CP (CIENCO1); Cty CP Đường sắt Phú Khánh)	158,188	29,998	03/2016	10/2016	Ban QLDAĐS KV3
- Gói thầu số 35: Cải tạo, nâng cấp 7 cầu (cầu Bầu Khe Km810+112, cầu Cò Đỗ Km823+678, cầu So Đũa Km1215+876, cầu Km1250+937, cầu Km1256+073, cầu Km1317+936, cầu Km1531+123). Dự án: Cải tạo, nâng cấp tải trọng các cầu yếu còn lại trên tuyến đường sắt Hà Nội – Tp. Hồ Chí Minh (LD Cty CP Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 – Cty CP công trình 875 & Cty CP Cơ khí và Xây dựng công trình 878)	168,321	79,915	01/2018	12/2018	Ban QLDAĐS KV3
- Gói thầu số XL 04: Chế tạo, vận chuyển, lao lắp dầm thép, xà mũ trụ thép thuộc dự án: Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp luồng sông Sài Gòn đoạn từ cầu đường sắt Bình Lợi tới cảng Bến Súc theo hình thức Hợp đồng BOT	187,592	187,592	04/2018	12/2019	Công ty TNHH Đầu tư BOT Bình Lợi
- Gói thầu số 16: Thi công cải tạo, nâng cấp 04 cầu (cầu Km 1245+527, cầu Km 1253+223, cầu Km 1255+471, cầu Km 1261+362) thuộc dự án: Cải tạo, nâng cấp tải trọng các cầu yếu còn lại trên tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh. (Liên danh CTy CP ĐT & XD CT3 - Cty TNHH XD Tiến Thành)	36,505	25,898	08/2020	12/2020	Ban QLDAĐS KV3
- Công trình: Xây lắp trong Khu Depot (Làm nền hạ, Tường chắn, Hệ thống thoát nước,...) (HCMC MRT LINE1 CP2)	112,289	112,289	03/2013	09/2016	Công ty GS E&C
Gói thầu số 11A – Thi công xây dựng gia cố các công trình hầm số 1, số 2, số 3, Phủ Cũ, Chí Thạnh, Vũng Rô 1, Vũng Rô 4 và Bãi Gió Thuộc dự án: Dự án gia cố các hầm yếu kết hợp mở mới các ga và cải tạo kiến trúc tầng trên đoạn Vinh – Nha Trang, tuyến đường sắt Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh. (Liên danh Cty CP Tổng công ty công trình đường sắt Tổng công ty xây dựng lũng Lô - CTy CP ĐT&XD CT3)	552,816	142,248	10/2021	10/2023	Ban QLDA 85

DANH SÁCH HỢP ĐỒNG TIÊU BIỂU

Tên Công trình	Tổng giá trị hợp đồng (Triệu đồng)	Giá trị do nhà thầu thực hiện	Khởi công	Hoàn thành	Tên cơ quan ký hợp đồng
- Gói thầu XL-CY-06: Thi công 15 cầu thuộc địa phận từ Quảng Bình (cầu Km493+217) đến Quảng Trị (cầu Km641+700) thuộc dự án: Cải tạo, nâng cấp các cầu yếu và gia cố trụ chống va xô trên tuyến đường sắt Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh. (Liên danh CTy CP ĐT & XD CT3 - Cty CP ĐS Thanh Hóa)	140,309	112,162	06/2020	08/2021	Ban QLDA Đường sắt
- Gói thầu XL-CY-03: Thi công 07 cầu thuộc địa phận tỉnh Bình Thuận. Thuộc dự án: Cải tạo, nâng cấp các cầu yếu và gia cố trụ chống va xô trên tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh. (Liên danh CTy CP ĐT&XD CT3 - Cty CP ĐS Thuận Hải - Cty TTTH ĐSSG)	60,734	48,628	11/2020	03/2022	Ban QLDA Đường sắt
- Gói thầu XL-CY-09: Thi công 13 cầu thuộc địa phận Bình Định (từ cầu Km999+363 đến cầu Km1045+427). Thuộc dự án: Cải tạo, nâng cấp các cầu yếu và gia cố trụ chống va xô trên tuyến đường sắt Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh. (Liên danh CTy CP XDCT Trường Lộc - Cty CP ĐT&XD CT3 - Cty CP 873 XDCTGT)	164,354	33,329	10/2020	06/2022	Ban QLDA Đường sắt
- Gói thầu XL-CY-11: Thi công 14 cầu thuộc địa phận từ Phú Yên (cầu Km1178+984) đến Đồng Nai (cầu Km1699+245). Thuộc dự án: Cải tạo, nâng cấp các cầu yếu và gia cố trụ chống va xô trên tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh. (Liên danh CTy CP ĐT&XD CT3 - Cty TTTH ĐSSG)	126,884	125,415	11/2020	07/2022	Ban QLDA Đường sắt
- Gói thầu số 17: Thi công xây dựng hầm chui 2,5 (bao gồm cả công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình phụ trợ và tổ chức giao thông) thuộc dự án: Đầu tư xây dựng hầm chui nút giao giữa đường vành đai 2,5 với đường Giải Phóng (QL1A cũ), Quận Hoàng Mai.	560,395	36,380	10/2022	05/2025	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội

DANH SÁCH HỢP ĐỒNG TIÊU BIỂU

Tên Công trình	Tổng giá trị hợp đồng (Triệu đồng)	Giá trị do nhà thầu thực hiện	Khởi công	Hoàn thành	Tên cơ quan ký hợp đồng
Dân dụng và công nghiệp					
- Công trình: Trung tâm thương mại VINCOM Center An Giang	55,000	53,328	03/2015	12/2015	Công ty TNHH Xây dựng VINCOM
- Gói thầu số 3: Mua sắm thiết bị Cơ điện, Đầu máy toa xe, Đường ray, và Bảo dưỡng thuộc dự án Xây dựng Đường sắt Độ thị Thành phố Hồ chí Minh, Đoạn Bến Thành - Suối Tiên (Tuyến 1)	13,277	13,277	11/2016	03/2017	Công ty HITACHI, Ltd.,
- Dự án: Xây dựng Nhà Văn Hóa Thanh Niên	204,099	204,099	2026	2028	Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP

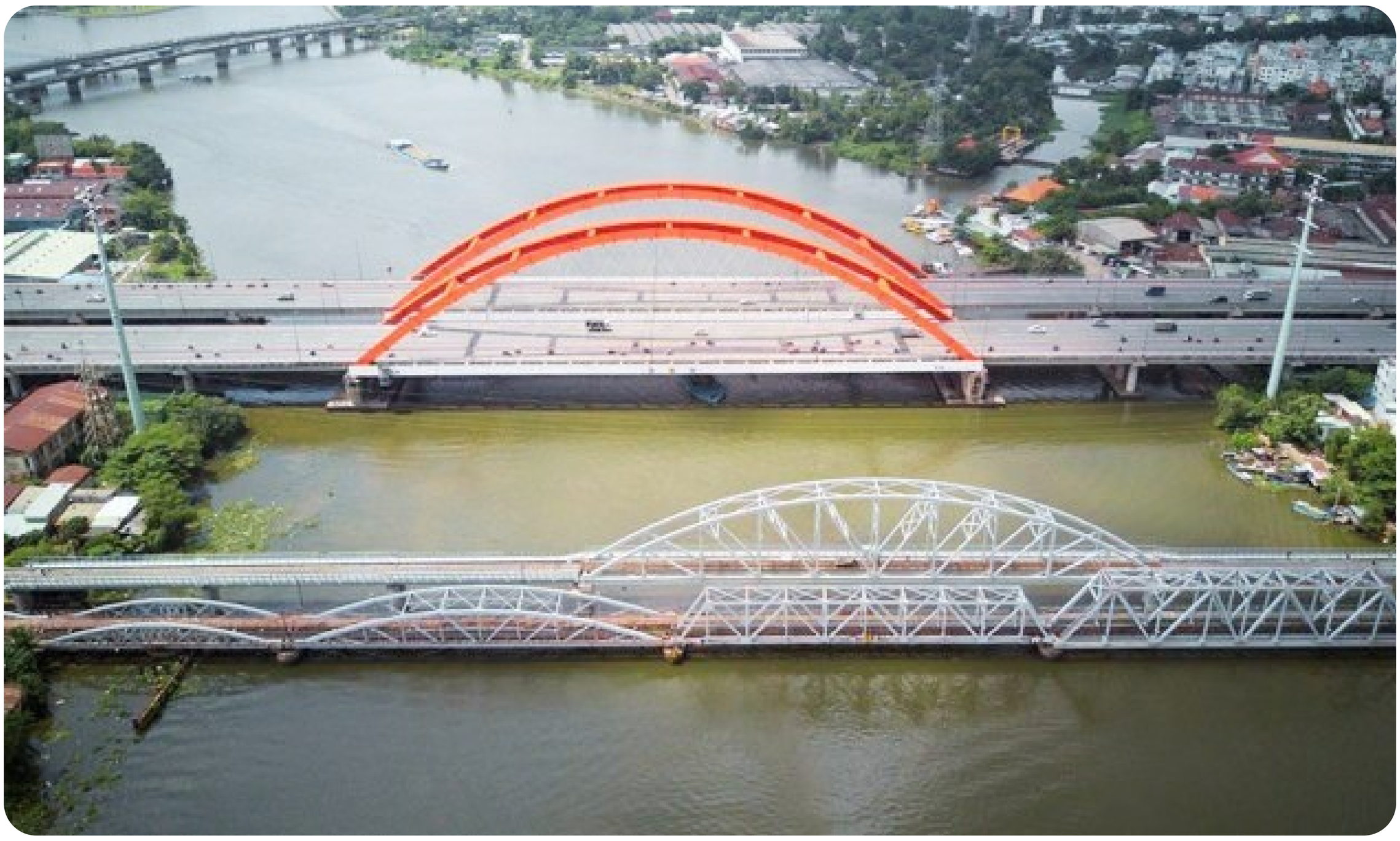


KINH NGHIỆM THI CÔNG CẦU ĐƯỜNG SẮT

CẦU GIÀN THÉP BÌNH LỢI QUA SÔNG SÀI GÒN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH







KINH NGHIỆM THI CÔNG CẦU ĐƯỜNG SẮT

CẦU GHỀNH QUA SÔNG ĐỒNG NAI – THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI







KINH NGHIỆM THI CÔNG CẦU ĐƯỜNG SẮT

CẦU KM 1024 + 943 - TỈNH GIA LAI (TỈNH BÌNH ĐỊNH CŨ)











KINH NGHIỆM THI CÔNG CẦU ĐƯỜNG SẮT

CẦU SẮT ĐUỐNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI



KINH NGHIỆM THI CÔNG CẦU ĐƯỜNG SẮT

CẦU BA CHÂN - TRÊN ĐÈO CÙ MÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK (TỈNH PHÚ YÊN CŨ)







KINH NGHIỆM THI CÔNG ĐƯỜNG SẮT













KINH NGHIỆM THI CÔNG ĐƯỜNG SẮT

SẢN XUẤT VÀ THI CÔNG LẮP ĐẶT GHI TỐC ĐỘ CAO









KINH NGHIỆM THI CÔNG NHÀ GA ĐƯỜNG SẮT



Ga Ninh Hòa - Tỉnh Khánh Hòa



Ga Hiền Sỹ - Thành phố Huế





Ga Đông Tác - Tỉnh Phú Yên



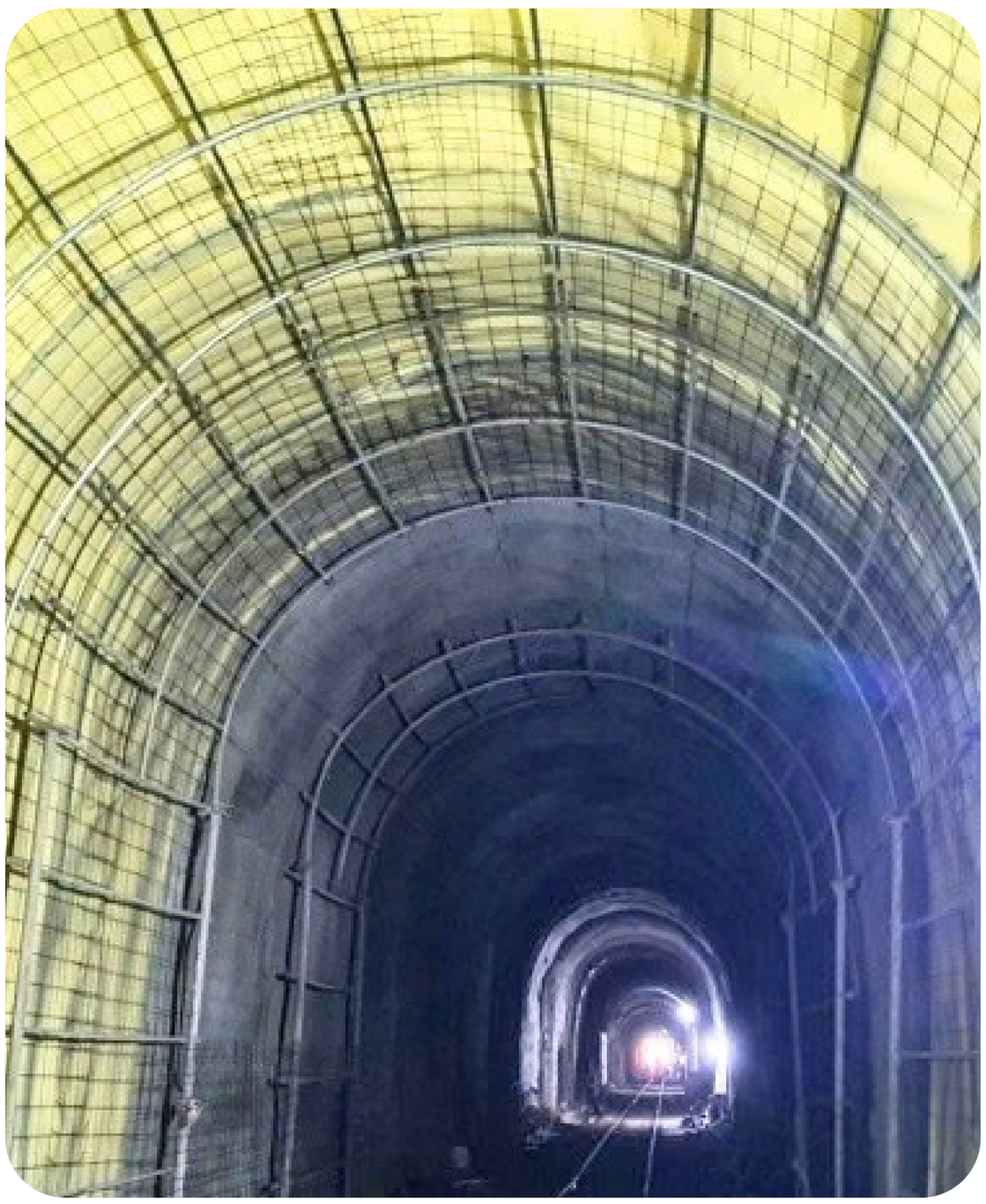


Ga Xuân Sơn Nam - Tỉnh Đắk Lắk

KINH NGHIỆM THI CÔNG HẦM ĐƯỜNG SẮT

HẦM BÃI GIÓ (CHIỀU DÀI 01KM) - TỈNH KHÁNH HÒA









KINH NGHIỆM THI CÔNG CẦU ĐƯỜNG BỘ

CẦU ĐƯỜNG BỘ QUA SÔNG ĐỒNG NAI - THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI









KINH NGHIỆM THI CÔNG CẦU ĐƯỜNG BỘ

CẦU VƯỢT NGUYỄN THÁI SƠN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH







KINH NGHIỆM THI CÔNG CẦU ĐƯỜNG BỘ

CẦU BÌNH PHƯỚC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH





KINH NGHIỆM THI CÔNG CẦU ĐƯỜNG BỘ

CẦU TĂNG LONG - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH





KINH NGHIỆM THI CÔNG CẦU ĐƯỜNG BỘ

CẦU TÂN AN - TỈNH TÂY NINH (TỈNH LONG AN CŨ)









KINH NGHIỆM THI CÔNG ĐƯỜNG BỘ

NÚT GIAO MỸ THỦY - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH





KINH NGHIỆM THI CÔNG ĐƯỜNG BỘ

ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 1 LONG KHÁNH - THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI







KINH NGHIỆM THI CÔNG ĐƯỜNG BỘ

ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH







KINH NGHIỆM THI CÔNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP

VINCOM PLAZA AN GIANG - TỈNH AN GIANG







KINH NGHIỆM THI CÔNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP

NHÀ VĂN HÓA THANH NIÊN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



KINH NGHIỆM THI CÔNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP

NHÀ XƯỞNG GIANG ĐIỀN - THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI



GIÁ TRỊ - VĂN HÓA - NIỀM TIN

HỒ SƠ NĂNG LỰC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

136/1 Trần Phú, Phường Chợ Quán, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 (028) 3835 1102

Email: ctcongtrinh3@gmail.com Website: www.ct3.com.vn